

Ngày soạn: 04/09 /2022

CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG
Tiết 1, 2: BÀI 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU
Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu
- Phân biệt được thông tin và vật mang thông tin
- Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về các bước cơ bản trong quá trình Xử lý thông tin, các thành phần cấu tạo và khả năng xử lý thông tin hiệu quả của máy tính.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: quy trình Xử lý thông tin, các thiết bị vào (thu nhận thông tin), bộ nhớ (lưu trữ thông tin), bộ xử lý (xử lý thông tin) và thiết bị truyền ra (truyền, chia sẻ thông tin) trong máy tính điện tử.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Xử lý thông tin trong một tình huống thực tế, biết cách vận dụng quy trình xử lý thông tin trong việc tìm kiếm, thu thập và lưu trữ thông tin về lĩnh vực cần quan tâm trên mạng Internet (suy nghĩ và đưa ra ý tưởng về việc tìm kiếm).

2.2. Năng lực Tin học:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu, vật mang thông tin và mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

Năng lực C (NL_C):

- *Nhận biết* được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.
- *Phân biệt* được thông tin với vật mang tin.
- *Nêu* được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

Năng lực D (NL_D):

– *Sử dụng* máy tính có kết nối mạng để tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, loa
- Học liệu: SGK, SGV, Giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình bày vấn đề: Trong cuộc sống hằng ngày, em nhìn thấy những con số, những dòng chữ, những hình ảnh trong sách; em nghe thấy tiếng chim hót, tiếng xe cộ đi lại trên đường. Tất cả những thứ đó được giác quan của em thu nhận và não xử lí để trở thành những hiểu biết của em về thế giới xung quanh.

Và để hiểu rõ hơn, chúng ta cùng đến với bài 1: Thông tin và dữ liệu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Thông tin và dữ liệu - Nghe gì? Thấy gì?

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động đề dần dần hình dung được khái niệm, nhận biết được các đặc điểm về dữ liệu và thông tin.

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin ở hoạt động 1 và yêu cầu suy nghĩ, tìm ra lời giải. Hãy đọc đoạn văn sau và cho biết: Bạn Minh đã thấy những gì và biết được điều gì để quyết định nhanh chóng qua đường? “Trên đường từ nhà đến trường, Minh phải đi qua...chuyển sang màu đỏ”. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần Bước 3: Trả lời + GV gọi từng HS trả lời + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	1. Thông tin và dữ liệu Hoạt động 1. Nghe gì? Thấy gì? <table> <tr> <th>Thấy gì?</th><th>Biết gì?</th></tr> <tr> <td> - Đường phố đông người, nhiều xe. - Đèn giao thông dành cho người đi bộ đổi sang màu xanh. - Các xe di chuyển chiều đèn đỏ dừng lại </td><td> - Có nguy cơ mất an toàn giao thông -> Phải chú ý quan sát. - Có thể qua đường an toàn -> Quyết định qua đường nhanh chóng. </td></tr> </table>	Thấy gì?	Biết gì?	- Đường phố đông người, nhiều xe. - Đèn giao thông dành cho người đi bộ đổi sang màu xanh. - Các xe di chuyển chiều đèn đỏ dừng lại	- Có nguy cơ mất an toàn giao thông -> Phải chú ý quan sát. - Có thể qua đường an toàn -> Quyết định qua đường nhanh chóng.
Thấy gì?	Biết gì?				
- Đường phố đông người, nhiều xe. - Đèn giao thông dành cho người đi bộ đổi sang màu xanh. - Các xe di chuyển chiều đèn đỏ dừng lại	- Có nguy cơ mất an toàn giao thông -> Phải chú ý quan sát. - Có thể qua đường an toàn -> Quyết định qua đường nhanh chóng.				

Hoạt động 2: Thông tin và dữ liệu – Tìm hiểu các khái niệm, mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu

a. Mục tiêu: Thông qua quá trình trả lời câu hỏi, đọc sgk HS nắm được khái niệm và mối quan hệ của thông tin và dữ liệu.

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu một HS đọc thông tin trong sgk. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Từ hoạt động 1, em hãy đưa ra khái niệm về dữ liệu, thông tin và vật mang tin theo cách em hiểu? + Theo em, thông tin và dữ liệu có những điểm tương đồng và khác biệt nào? + Theo em, tiếng trống trường ba hồi chín tiếng là dữ liệu hay thông tin? Hãy giải thích rõ? - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 trang 6 sgk?	1. Thông tin và dữ liệu a. Các khái niệm - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình. - Thông tin được ghi lên vật mang tin trở thành dữ liệu. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh. - Vật mang tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin, ví dụ như giấy viết, đĩa CD, thẻ nhớ... b. Sự tương đồng và khác biệt giữa thông tin và dữ liệu: + Thông tin và dữ liệu cùng đem lại hiểu biết cho con người nên đôi khi được dùng thay thế cho nhau. + Dữ liệu gồm những văn bản, con số, hình ảnh, âm thanh... là nguồn gốc của thông tin. - Phân tích tiếng trống trường + TH1: Tiếng trống trường 3 hồi 9 tiếng là thông tin nếu đặt trong bối cảnh ngày khai trường. + TH2: Tiếng trống trường 3 hồi 9 tiếng được ghi lại trong một tệp âm thanh thì thẻ nhớ chứa tệp âm thanh đó là vật mang tin và âm thanh là dữ liệu.	
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. + GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ	<u>Trả lời:</u> Câu 1: 1 – b, 2 – a, 3 – c Câu 2:	
Bước 3: Báo cáo kết quả + HS trả lời câu hỏi + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.	16:00 0123456789	Dữ liệu
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	Hãy gọi cho tôi lúc 16:00 theo số điện thoại 0123456789	Thông tin

Hoạt động 3: Tầm quan trọng của thông tin

a. Mục tiêu: Hiểu được sự quan trọng của thông tin trong cuộc sống.

b. Nội dung: Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu một HS đọc thông tin trong sgk.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:
 - + Theo em, thông tin mang lại những gì cho con người? Nêu ví dụ?
 - + Thông tin giúp con người điều gì? Nêu ví dụ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- + GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trả lời câu hỏi
- + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

2. Tầm quan trọng của thông tin

- Thông tin đem lại hiểu biết cho con người. Mọi hoạt động của con người đều cần đến thông tin.

Ví dụ: Trong bài Con Rồng Cháu Tiên chúng ta biết được nguồn gốc của người Việt.

- Thông tin đúng giúp con người đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.

Ví dụ: Đài khí tượng thủy văn báo Hà Nội hôm nay trời rất nắng -> Bạn An đi học mang theo áo dài và mũ.

Hoạt động 2: Hs tiến hành thảo luận đưa ra một sơ đồ tư duy mô tả kế hoạch đi dã ngoại theo địa điểm tùy chọn của từng nhóm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện BT luyện tập trang 7 sgk

Bảng 1.1 cho biết lượng mưa trung bình hàng tháng (theo đơn vị mm) của hai năm 2017, 2018 ở một số địa phương (Theo tổng cục thống kê).

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thành phố												
Hà Nội	43,8	11,2	73,2	39,0	157,2	200,7	438,6	298,3	248,3	177,1	23,8	65,9
Huế	201,0	126,6	34,1	119,2	127,9	134,2	258,7	78,2	216,6	325,9	484,5	560,5
Đà Nẵng	78,9	36,1	24,5	89,5	40,9	92,2	216,3	117,1	168,8	308,5	518,6	163,5
Vũng Tàu	58,5	0,4	1,2	22,4	166,8	287,7	203,5	167,6	267,9	297,1	143,0	24,9

Em hãy xem bảng 1.1 và trả lời các câu hỏi sau:

- a. Các con số trong bảng là thông tin hay dữ liệu
- b. Phát biểu “Tháng 6, Đà Nẵng ít mưa nhất so với các thành phố Hà Nội, Huế, Vũng Tàu” là thông tin hay dữ liệu?
- c. Trả lời câu hỏi: “Huế ít mưa nhất vào tháng nào trong năm?”. Câu trả lời là thông tin hay dữ liệu?
- d. Câu trả lời cho câu hỏi c) có ảnh hưởng đến việc lựa chọn thời gian và địa điểm du lịch không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:

- a. Các con số trong bảng đã cho là dữ liệu
- b. Phát biểu đó là thông tin
- c. Câu trả lời này là thông tin
- d. Câu trả lời trong câu c có ảnh hưởng đến lựa chọn thời gian và địa điểm du lịch. Nếu người đi du lịch muốn đến tham quan Huế thì tháng Ba là một lựa chọn tốt về thời gian vì họ sẽ tránh được những cơn mưa.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trang 7 sách kết nối tri thức.

Câu 1. Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:

- a. Có những lựa chọn trang phục phù hợp hơn
- b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.

Câu 2. Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của em.

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

Câu 1. Lấy ví dụ về vai trò của thông tin

a) Thông tin thời tiết giúp em lựa chọn tốt trong trang phục. Trước một buổi tham quan, hoặc chỉ đơn giản là trước khi đi học, thông tin thời tiết giúp HS chuẩn bị trang phục phù hợp. Chẳng hạn, vào những ngày nhiệt độ chênh lệch lớn, trời lạnh vào buổi sáng, nắng nóng vào buổi trưa thì khi đi học em cần mặc áo sơ mi bên trong áo khoác để khi nóng, bỏ bớt áo khoác ngoài, em vẫn có trang phục phù hợp.

b) Chấp hành đúng quy định của các biển hiệu khi đi đường.

- Lái xe an toàn, phù hợp với lứa tuổi.

- Đảm bảo đúng tốc độ.

- Nêu cao ý thức nhường đường, rẽ trái, rẽ phải... đúng quy định.

- Rèn luyện tính kiên nhẫn, chờ đợi khi gặp đèn tín hiệu giao thông hay tắc đường.

- Không gây mất trật tự khi tham gia giao thông.

- Phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắn máy, mô tô,...

- Biết nhường đường cho người khác, rẽ trái, rẽ phải

- Chờ đợi khi gặp đường tín hiệu giao thông

- Giúp đỡ người khác khi họ bị nạn

- Luôn luôn chấp hành đúng quy định giao thông,...

- Tuyên truyền vận động người thân và bạn bè thực hiện nghiêm chỉnh khi tham gia giao thông.

Câu 2. Lấy ví dụ về vật mang tin trong học tập: Sách, vở, bảng,... là những vật mang tin.

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Về nhà học thuộc khái niệm về thông tin, dữ liệu, vật mang tin. Mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. Tầm quan trọng của thông tin.

- Đọc và nghiên cứu trước bài mới:

Ngày soạn: 16/9/2022

TIẾT 3, 4 - BÀI 2: XỬ LÝ THÔNG TIN

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Các bước cơ bản trong quy trình xử lý thông tin
- Máy tính là công cụ xử lý thông tin hiệu quả

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NLa):

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NLc):

– *Nêu* được ví dụ minh họa về các bước trong quy trình xử lý thông tin của máy tính điện tử.

Năng lực D (NLd):

– *Sử dụng* máy tính có kết nối mạng để tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Hình thành ý thức điều chỉnh hành vi dựa trên nhận thức và suy xét về thể giới.

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, loa

- Học liệu: SGK, SGV, Giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS tiếp nhận thông tin.

c. Sản phẩm học tập: Thái độ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Hãy quan sát một cầu thủ bóng đá thực hiện quả phạt đền. Mắt liên tục xác định vị trí của thủ môn, anh phải đánh giá xem góc nào của cầu môn là sơ hở nhất. Sải bước, lấy đà trong khoảnh khắc, anh chiến thắng thủ môn bằng một cú sút má trong vào góc trên bên trái cầu môn.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ Các nhóm thảo luận bài tập và câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo kết quả thảo luận:

+ HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình thông qua phiếu học tập.

- Nhận xét, đánh giá, kết luận:

+ Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Xử lý thông tin

a. Mục tiêu: Nâng cao năng lực phân tích, tư duy trừu tượng, hình dung thông tin được xử lý ở mỗi hoạt động xử lý thông tin cơ bản.

b. Nội dung: GV trình bày, HS vận dụng sgk, kiến thức tiếp thu được để phát biểu và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV gọi 1 HS đọc ví dụ về cầu thủ sút bóng. - Sau khi đọc xong, GV suy nghĩ để trả lời hoạt động 1 trong SGK. 1. Bộ nào của cầu thủ nhận được thông tin từ những giác quan nào? 2. Thông tin nào được bộ não cầu thủ ghi nhớ và sử dụng khi đá phạt? 3. Bộ não xử lý thông tin nhận được thành thông tin gì? 4. Bộ não chuyển thông tin điều khiển thành thao tác nào của cầu thủ? 5. Quá trình xử lý thông tin của bộ não gồm những hoạt động nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe bạn đọc, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành suy nghĩ và trả lời + GV gọi HS khác nhận xét câu trả lời của HS	1/ Xử lý thông tin <u>NV1:</u> 1. Thị giác, xúc giác 2. Quả bóng. 3. Đá quả bóng vào khung thành 4. Đá quả bóng 5. Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức
- + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS đọc thầm bảng thông tin trong SGK. Sau khi kết thúc, GV hướng dẫn HS phân tích các bước xử lý thông tin.
- Sau đó, GV yêu cầu HS tìm một số ví dụ về hoạt động có ý thức của con người để phân tích các bước xử lý thông tin trong hoạt động đó.
- GV lưu ý HS: *Mọi hoạt động của con người đều gắn liền với quá trình xử lý thông tin.*

- GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trang 9 sgk.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS đọc thông tin, tiếp nhận kiến thức và lấy ví dụ và tập phân tích.
- + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

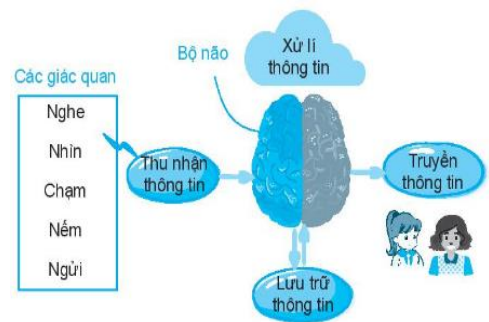
- + GV gọi 1 – 2 bạn đứng dậy nêu ví dụ và phân tích các bước xử lý thông tin.
- + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức
- + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

NV2:

- Các bước xử lý thông tin



- HS nêu ví dụ và phân tích

Trả lời câu hỏi:

- Em đang nghe chương trình ca nhạc trên Đài Tiếng nói Việt Nam là thu nhận thông tin.
- Bố em xem chương trình thời sự trên ti vi là thu nhận và lưu trữ thông tin.
- Em chép bài trên bảng vào vở là lưu trữ thông tin và có thể là xử lý thông tin nữa.
- Em thực hiện một phép tính nhằm là xử lý thông tin.

Hoạt động 2: Xử lý thông tin trong máy tính

a. Mục tiêu: HS nêu được ví dụ minh họa máy tính là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.

b. Nội dung: GV trình bày, HS vận dụng sgk, kiến thức tiếp thu được để phát biểu và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thầm thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: <i>Ý chính mà đoạn văn bản muốn truyền đạt là gì?</i> - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 10 sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Xử lý thông tin trong máy tính <u>NV1:</u> + Máy tính có thể thực hiện các chức năng ở cả bốn bước xử lý thông tin giống như con người.

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và suy nghĩ, trả lời + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc và trả lời hai câu hỏi sau: + <i>Em hãy nêu ví dụ máy tính giúp con người trong bốn bước xử lý thông tin.</i> + <i>Em hãy so sánh hiệu quả thực hiện công việc trên khi sử dụng và không sử dụng máy tính?</i> - GV gọi HS đứng dậy đọc thông tin trong Sgk, sau đó giảng giải cho HS để HS hiểu được xử lý thông tin trong máy tính cũng bao gồm các hoạt động xử lý thông tin giống như ở người. - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 11 sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	+ Máy tính thực hiện việc đó bằng các thành phần tương ứng với các hoạt động xử lý thông tin. <i>Trả lời câu hỏi:</i> Câu 1: Đáp án B Câu 2: Đáp án C. <u>NV2:</u> - Một số ví dụ: + Soạn thảo văn bản, tính toán số học + Chuyển văn bản thành giọng nói và ngược lại + Dịch tự động từ văn bản và từ hình ảnh + Các ứng dụng di động, thông minh có hỗ trợ của Internet (thời tiết, thời sự, tìm đường, mua hàng, thanh toán...) - Hiệu quả công việc sử dụng máy tính nhanh hơn so với khi không sử dụng máy tính.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập hoạt động 2.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt vấn đề, yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 và 2 trang 11, sgk

- HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Câu 1. Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động lưu trữ của quá trình xử lý thông tin. Bộ nhớ ngoài là vật mang tin.

Câu 2.

- a) Quan sát đường đi của tàu biển: Thu nhận thông tin.
 - b) Ghi chép các sự kiện của một chuyến tham quan: Lưu trữ thông tin.
 - c) Chuyển thể một bài văn xuôi thành văn vần: Xử lý thông tin.
 - d) Thuyết trình chủ đề tình bạn trước tập thể lớp: Truyền thông tin.
- GV gọi HS đứng dậy trình bày, gọi HS khác nhận xét, GV đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV đưa ra 1 số câu hỏi trắc nghiệm thông qua 1 game trò chơi
- HS suy nghĩ, trả lời

Bài 1: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là :

A. dữ liệu được lưu trữ.

B. thông tin vào.

C. thông tin ra.

D. thông tin máy tính.

Bài 2: Em là sao đỏ của lớp. Theo em, thông tin nào dưới đây không phải là thông tin cần xử lý (thông tin vào) để xếp loại các tổ cuối tuần?

A. Số lượng điểm 10.

B. Số các bạn bị ghi tên vì đi muộn.

C. Số bạn mặc áo xanh.

D. Số bạn bị cô giáo nhắc nhở.

Bài 3: Tai người bình thường có thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây:

A. Đi học mang theo áo mưa;

B. Ăn sáng trước khi đến trường;

C. Tiếng chim hót;

D. Hẹn bạn Hương cùng đi học.

Bài 4: Mắt thường không thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây?

A. Đàn kiến đang “tấn công” lọ đường quên đây nắp;

B. Những con vi trùng gây bệnh lị lẫn trong thức ăn bị ôi thiu;

C. Rác bần vứt ngoài hành lang lớp học;

D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS suy nghĩ và thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 11, sgk.

- HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Câu 1.

+ Thu nhận thông tin: Trả lời các câu hỏi: Đi đâu? Với ai? Xem gì? Chơi gì? Ăn gì? Mặc gì?...

+ Lưu trữ thông tin: Ghi chép nội dung chuẩn bị vào giấy hoặc sổ để không bị quên vì có nhiều chi tiết cụ thể.

- + Xử lý thông tin: Chuyển nội dung phức tạp thành dạng sơ đồ hoá, kẻ bảng.... để hình dung được toàn thể kế hoạch (như sơ đồ tư duy chẳng hạn).
- + Truyền thông tin: Trao đổi với người lớn, cô giáo để củng cố kế hoạch. Chia sẻ với bạn trong lớp để hoàn thiện kế hoạch và tổ chức hoạt động.
- GV gọi HS đứng dậy trình bày, gọi HS khác nhận xét, GV đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Liên hệ thực tế cuộc sống xung quanh em để lấy được ví dụ về xử lý thông tin và máy tính hỗ trợ cho người trong quá trình xử lý thông tin.
- Đọc trước bài mới.

=====

Ngày soạn: 02/10/2022

TIẾT 5+6: BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- có thể biểu diễn thông tin với chỉ hai ký hiệu 0 và 1.
- Bit là đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin
- Tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin
- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu diễn thông tin trong máy tính.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng quan sát, khám phá thế giới số xung quanh, trong cách thể hiện, biểu diễn
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học:

Năng lực A (NLA): Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NLC):

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin với chỉ hai ký hiệu 0 và 1.
- Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất;

Năng lực D (NLD): Sử dụng được máy tính biết cách biểu diễn thông tin trong máy tính.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Ham học, khám phá: Có khả năng quan sát, phát hiện vấn đề; ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được để giải thích một số hoạt động số hóa trong xã hội số.

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 6

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV trình bày vấn đề: Trong bài học trước, chúng ta đã biết rằng máy tính có thể xử lý được thông tin nhưng làm thế nào để máy tính có thể hiểu được những dữ liệu chúng ta chuyển cho nó xử lý?

Con người dùng các chữ số, chữ cái và kí hiệu để diễn đạt suy nghĩ của mình cho người khác hiểu, tuy nhiên máy tính thông dụng hiện nay chỉ làm việc với hai kí hiệu là 0 và 1. Cụ thể chúng ta cùng đến với hoạt động 1: Mã hóa

- GV hướng dẫn hoạt động 1: Cho các số từ 0 đến 7 được viết thành dãy tăng dần từ trái sang phải. Em hãy quan sát hình 1.3 và đọc hướng dẫn để biết cách mã hóa số 4.

Cách thực hiện như sau:

- Bước 1. Thu gọn dãy số bằng cách sau

- Chia dãy số thành 2 nửa (trái, phải) đều nhau
- Kiểm tra xem số 4 thuộc nửa trái hay nửa phải
- Ghi lại vị trí của số 4 (trái hoặc phải)
- Bỏ đi nửa dãy số không chứa số 4. Giữ lại nửa dãy số chứa số 4
- Sau mỗi lần thực hiện, dãy số được thu gọn còn một nửa. Thực hiện thu gọn dãy số ba lần cho đến khi còn lại số 4.

- Bước 2: Chuyển dãy vị trí thu được (phải, trái, trái) thành 0,1 theo quy tắc: trái thành 0, phải thành 1. Như vậy số 4 được mã hóa thành 100.

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Hãy mã hóa số 3 và số 6 theo cách như trên. Hai dãy kí hiệu nhận được có giống nhau không?

- HS thảo luận, trả lời: Hai dãy kí hiệu nhận được không giống nhau. Số 3 mã hóa thành 011. Số 6 mã hóa thành 110

=> GV dẫn vào bài học mới, bài 3: Thông tin trong máy tính.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 2.1: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn số**

a. Mục tiêu: HS giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin con số dưới dạng dãy bit.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV nhắc lại cách chuyển đổi trong hoạt động 1. Mỗi số từ 0 đến 7 có thể chuyển thành một dãy gồm 3 kí hiệu 0 và 1 như sau: <table><tr><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr><tr><td>000</td><td>001</td><td>010</td><td>011</td><td>00</td><td>101</td><td>110</td><td>111</td></tr></table> GV đưa ra câu hỏi, HS trả lời: + Bằng cách mã hóa như trên thì với dãy đã cho dài gấp đôi thì mỗi số sẽ được chuyển thành dãy có bao nhiêu kí hiệu 0 và 1. Lấy một số bất kì để chứng minh câu trả lời đó?	0	1	2	3	4	5	6	7	000	001	010	011	00	101	110	111	1. Biểu diễn thông tin trong máy tính a. Biểu diễn số - Với dãy số dài gấp đôi thì mỗi số sẽ được chuyển thành dãy có 4 kí hiệu 0 và 1. - Mỗi dãy các kí hiệu 0 và 1 như vậy được gọi là dãy bit. Kí hiệu là một bit.
0	1	2	3	4	5	6	7										
000	001	010	011	00	101	110	111										

+ Theo em, như thế nào gọi là dãy bit? Kí hiệu của dãy bit là gì? + Chúng ta có thể chuyển một số bất kì thành một dãy bit được không? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	- Người ta có thể chuyển một số bất kì thành một dãy bit bằng cách tương tự như đã thực hiện ở trên.
--	--

Hoạt động 2: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn văn bản

a. Mục tiêu: Hs giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin văn bản dưới dạng dãy bit.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS đọc nội dung Sgk và hướng dẫn HS cách thực hiện mã hóa từ “CAFE”. + B1: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự C - 01000011 + B2: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001 + B3: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự F - 01000110 + B4: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự E - 01000101 Kết quả hiển thị:  Như vậy: + Văn bản được chuyển thành dãy bit bằng cách nào? + Hãy chuyển từ “DA CA” thành dãy bit?	1. Biểu diễn thông tin trong máy tính b. Biểu diễn văn bản - Văn bản gồm các chữ cái (cả chữ hoa và chữ thường), các chữ số, dấu câu, kí hiệu, ... được gọi chung là các kí tự. - Văn bản được chuyển thành dãy bit bằng cách chuyển từng kí tự một. - Chuyển từ “DA CA” thành dãy bit như sau: + dãy bit biểu diễn của kí tự D - 01000100 + dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001 + dãy bit biểu diễn của kí tự C - 01000011 + dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001 DA CA => 01000100 01000001 01000011 01000001

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	
---	--

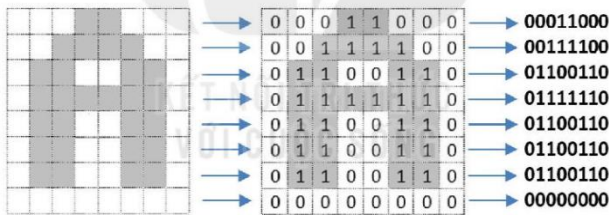
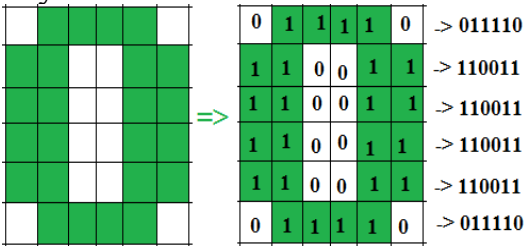
Hoạt động 3: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn hình ảnh

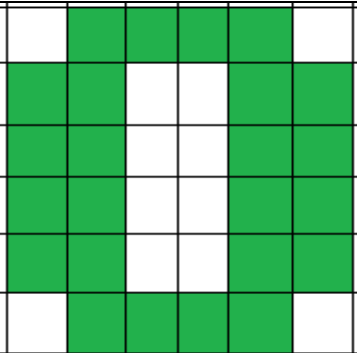
a. Mục tiêu: Hs giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin hình ảnh dưới dạng dãy bit.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS đọc nội dung Sgk và hướng dẫn HS cách thực hiện mã hóa từ ảnh. <u>Ví dụ:</u> Ta cần chuyển hình ảnh chữ A trong một lưới 8 x 8 thành dãy bit. Ta kí hiệu màu đen là 1 và màu trắng là 0. Khi đó, hình ảnh đen trắng của chữ A được chuyển thành dãy bit trong hình dưới đây.  Tương tự như vậy, GV yêu cầu HS chuyển hình ảnh chữ O thành dãy bit	1. Biểu diễn thông tin trong máy tính c. Biểu diễn hình ảnh - Hình ảnh kỹ thuật số được tạo thành từ các điểm ảnh (pixel). Mỗi pixel trong một ảnh đen trắng được biểu thị bằng 1 bit. - Kết quả chuyển đổi chữ O thành dãy bit như sau: 

 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS lên bảng trình bày kết quả + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.	
---	--

Hoạt động 4: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn âm thanh

a. Mục tiêu: Hs giải thích được, có thể biểu diễn âm thanh dưới dạng dãy bit.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk và trả lời câu hỏi: + Âm thanh được phát ra từ đâu? + Làm cách nào để chuyển âm thành thành dãy bit? Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV đưa ví dụ để giải thích cụ thể cho HS nắm rõ hơn. <u>Ví dụ:</u>  Hình 1.5. Biểu diễn âm thanh nốt La thành dãy bit Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận thông tin.	1. Biểu diễn thông tin trong máy tính d. Biểu diễn âm thanh - Âm thanh được phát ra nhờ sự rung lên của màng loa, của dây đàn, dây thanh quản... Khi dây đàn rung lên, nó rung càng nhanh âm thanh phát ra sẽ càng cao. - Tốc độ rung được ghi lại dưới dạng giá trị số, từ đó chuyển thành dãy bit.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS ghi chép nội dung vào vở

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV chuẩn kiến thức cần ghi nhớ của tiết học.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập hoạt động 2.

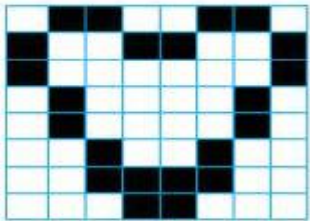
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trong sgk:

Trong hình vuông mỗi chiều 8 ô, vẽ hình một trái tim như hình 1.6



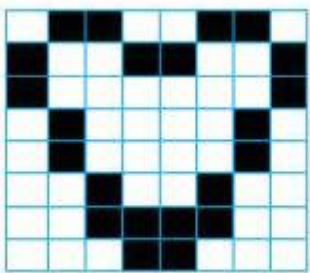
Hình 1.6. Hình trái tim

a. Em hãy chuyển đổi mỗi dòng trong hình vẽ thành một dãy bit

b. Em hãy chuyển cả hình vẽ thành dãy bit bằng cách nối các dãy bit của các dòng lại với nhau (từ trên xuống dưới).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

a. Chuyển đổi mỗi dòng trong hình thành 1 dãy bit



-> 01100110
-> 10011001
-> 10000001
-> 01000010
-> 01000010
-> 00100100
-> 00111100
-> 00011000

Hình 1.6. Hình trái tim

b. Chuyển cả hình thành 1 dãy bit: 01100110 10011001 10000001 01000010 01000010 00100100 00111100 00011000

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Dãy bit là gì?

A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1

- B. Là âm thanh phát ra từ máy tính
- C. Là một dãy chỉ gồm 2 chữ số
- D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9

Câu 2: Máy tính sử dụng dãy bit để làm gì?

- A. Biểu diễn các số
- B. Biểu diễn văn bản
- C. Biểu diễn hình ảnh, âm thanh
- D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

Câu 1: Đáp án A

Câu 2: Đáp án D

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Ôn lại cách biểu diễn thông tin trong máy tính, các đơn vị đo của thông tin
- Đọc trước bài mới:

Ngày soạn : 14/10/2022

CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

TIẾT 7, 8 - BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống

2.Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NL_C):

- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống

Năng lực D (NL_D):

- Sử dụng* máy tính để kết nối mạng Internet

3.Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập

- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 6

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong sgk, thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy, đóng vai An và Khoa để đọc đoạn mở đầu.

- GV yêu cầu HS trả lời HD1 trong sgk.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời:

+ Có nhiều loại mạng lưới

+ Mạng lưới được phân loại theo hàng hóa mà nó vận chuyển.

+ Điểm chung của các mạng lưới: Kết nối và chia sẻ.

=> GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS vào **bài 4: Mạng máy tính.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Mạng máy tính là gì?

a. Mục tiêu: Hs hiểu và hình dung về mạng máy tính.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh suy nghĩ và trả lời

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk và trả lời câu hỏi: <i>Đặc điểm chung của mạng lưới là gì?</i> - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trang 17 sgk: + <i>Mạng máy tính chia sẻ những gì?</i> + <i>Em hãy nêu một số ví dụ về lợi ích của mạng máy tính?</i> - GV tiếp tục yêu cầu HS đọc thông tin sgk, trả lời câu hỏi: <i>Em hãy thảo luận với bạn về lợi ích của mạng máy tính?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe bạn đọc bài, tiếp nhận thông tin, trả lời câu hỏi + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động + HS xung phong trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	1. Mạng máy tính - Đặc điểm chung của mạng lưới là kết nối và chia sẻ. - Hd2: + Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu và cho phép người sử dụng chung thiết bị. + Một số lợi ích của mạng: Cho phép chia sẻ tài nguyên giữa con người, giữa những vùng địa lí xa nhau, tiết kiệm thời gian...

Hoạt động 2: Các thành phần của mạng máy tính

a. Mục tiêu: Nắm được những thành phần chính của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến, bộ định tuyến không dây...

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học suy nghĩ và trả lời.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 3 trang 18 sgk:  Hình 2.1. Các thiết bị được nối vào mạng + Quan sát hình 2.1 và cho biết những thiết bị nào đang được nối vào mạng? + Các thiết bị đó được nối với nhau như thế nào? Qua các thiết bị trung gian nào? - GV gọi 1 HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin phần 2 trong sgk và yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi: + Em hãy quan sát hình 2.1 và cho biết: a. Tên các thiết bị đầu cuối b. Tên các thiết bị kết nối + Em hãy kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết? + Em hãy nêu ví dụ cho thấy kết nối không dây thuận tiện hơn kết nối có dây? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe bạn đọc bài, tiếp nhận thông tin, trả lời câu hỏi + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động + HS xung phong đứng tại chỗ trả lời câu hỏi. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Các thành phần của mạng máy tính Hđ3: - Tất cả thiết bị trong hình đều được kết nối vào mạng. - Chúng được kết nối với nhau bằng dây dẫn mạng hoặc sóng vô tuyến. - Các thiết bị kết nối trong hình: Bộ chuyển mạch và bộ định tuyến không dây. Trả lời câu hỏi: - a. Thiết bị đầu cuối: máy chủ, máy tính để bàn, máy tính xách tay, điện thoại di động, máy quét, máy in. b. Thiết bị kết nối: Bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây, đường truyền dữ liệu,... - Một số cách kết nối không dây: bluetooth, wifi.. - Ví dụ: Máy tính bàn chỉ sử dụng được ở nhà, máy laptop có thể sử dụng bất cứ đâu có mạng wifi.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 trong sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Câu đúng: Máy tính kết nối với nhau để chia sẻ thiết bị (A) và trao đổi dữ liệu (C).

Câu 2. Trong hình 2.2, thiết bị có kết nối không dây là: máy tính xách tay (B), điện thoại di động (C).

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

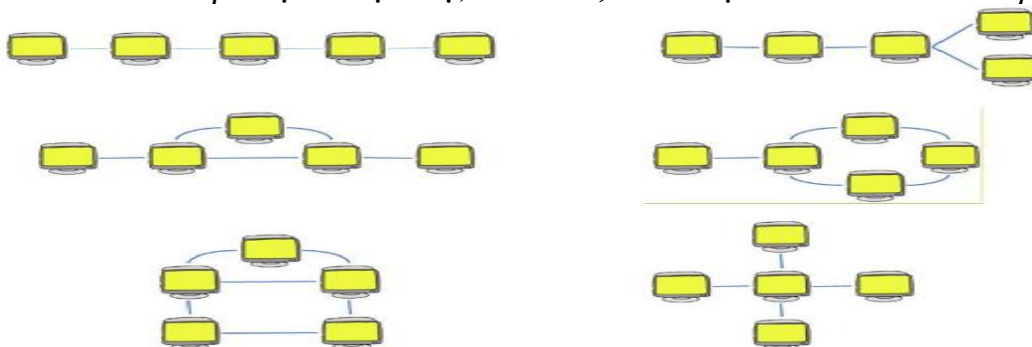
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc và thực hiện BT1 phần vận dụng, trang 19sgk, nhóm có đáp án đúng nhất được tặng điểm số.

- Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận và đưa ra các đáp án.



- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi, cho điểm nhóm có nhiều đáp án đúng, GV chuẩn kiến thức.

Ngày soạn: 21/10/2022

KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

2. Năng lực

***Năng lực chung**

- Tự lực, chủ động ôn tập, nắm bắt kiến thức thông qua sách giáo khoa, hướng dẫn của giáo viên, nguồn học liệu hỗ trợ tự học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã được học để làm bài kiểm tra.

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận thức tin học: nhận thức được các kiến thức cơ bản và vận dụng làm bài kiểm tra:
- Phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu, vật mang thông tin và mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.
- Xem được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng.
- Biết được những thành phần chính của một mạng máy tính
- Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học và học liệu

- GV: Đề bài
- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học qua các chủ đề

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hình thức kiểm tra: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận

2. Hoạt động kiểm tra .

- Giáo viên coi kiểm tra phát đề cho học sinh
- Học sinh nhận đề và làm bài kiểm tra nghiêm túc.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ

THỜI GIAN 45 PHÚT

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng Điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	
1	Chủ đề A: Mạng máy tính và cộng đồng	Thông tin và dữ liệu	1		1		1 (1đ)				2
		Biểu diễn thông tin trong máy tính và lưu dữ liệu trong máy tính	4								2
		Thông tin trong máy tính	2				1 (2đ)		1 (2đ)		3,5
2	Chủ đề B: Mạng máy tính và Internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	1				1				2,5
Tổng điểm			4		0,5		3,5		2		10

BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề A: Mạng máy	Thông tin và dữ liệu	Nhận biết : Trong các tình huống cụ thể có sẵn:				

	tính và cộng đồng		– Phân biệt được thông tin và vật mang tin – Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. Thông hiểu – Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin. Vận dụng: – Giải thích được vật mang tin và các dạng thông tin.	1(TN)	1(TN)	1(TL)	
2		Biểu diễn thông tin trong máy tính và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	Nhận biết : – Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. Thông hiểu: – Nắm được các hoạt động và phân loại được 4 bộ phận của quá trình xử lý thông tin Vận dụng: – Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	4(TN)			
3		Thông tin trong máy tính	Nhận biết: - Biết được khái niệm các thiết bị lưu trữ, biết được độ lớn đơn vị đo dung lượng Thông hiểu	2(TN)		1(TL)	1(TL)

			- Diễn tả độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin Vận dụng: Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ				
4	Chủ đề B: Mạng máy tính và Internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	Nhận biết – Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. – Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... – Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet. Thông hiểu – Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. Vận dụng cao: – Xác định được các thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối trong mạng gia đình	1(TN)		1(TN)	
Tổng				8(TN)	1(TN)	2(TL) 1(TN)	1(TN))

Đề bài

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất

Câu 1: Phương án nào sau đây là thông tin

- A) Các con số thu thập qua điều tra dân số C) Phiếu điều tra dân số
 B) Kiến thức về phân bố dân cư D) Tập lưu trữ tài liệu về điều tra dân số

Câu 2: Bạn Nam nói với bạn Quân “Hãy gọi cho mình vào lúc 9 giờ theo số điện thoại này nhé 0368224243”. Vậy theo em đó là:

- A. Vật mang tin. B. Dữ liệu. C. Thông tin. D. Văn bản, hình ảnh

Câu 3. Quá trình xử lý thông tin gồm mấy hoạt động cơ bản ?

- Câu 4.** Chức năng của bộ nhớ máy tính là gì?

- Câu 5.** Thiết bị vào của máy tính có chức năng gì?

- Câu 6. Dây bit là gì ?**

- Câu 7:** Mã hóa số 5 thành dãy các kí hiệu 0 và 1 kết quả sẽ là?

A.000 B. 101 C.010 D. 111

- Câu 8.** Bao nhiêu “bit” tạo thành một “byte”?

- A. 8. B. 9 C. 32. D. 36.

- Câu 9:** Thiết bị nào giúp cho máy tính thu nhận thông tin?

- A. Bàn phím. B. Máy in. C. Màn hình. D. Bộ nhớ.

- Câu 10:** Các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính là.

- A. Thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng.**

- B. Thiết bị đầu cuối, bàn phím, con chuột, phần mềm mạng.**

- ### C. Thiết bị đầu cuối, phần mềm mạng, màn hình.

- D. Thiết bị đầu cuối, máy in, loa, dây mạng, phần mềm mạng.**

II. Phần tự luận: (5 điểm):

Bài 1 (2 điểm): Nhà bạn Minh có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang truy cập mạng internet qua đầu thu phát wifi. Theo em các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra các thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

Bài 2 (2 điểm). Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

Bài 3 (1 điểm). Hãy cho biết hình ảnh trên tám bảng đầu là dữ liệu, thông tin, vật mang tin?



I. Trắc nghiệm: 5 điểm(mỗi ý đúng được 0,5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

ĐA	B	C	B	B	A	A	B	A	A	A
-----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

II. Tự luận

Bài	Đáp án	Điểm
Bài 1 (2 điểm)	- Các thiết bị có được kết nối thành một mạng - Thiết bị đầu cuối: 2 điện thoại và máy tính xách tay - Thiết bị kết nối: đầu thu phát Wifi	1 1
Bài 2 (2 điểm)	Đổi 40 GB = 40 x 1024 = 40 960MB Một quyển sách A 200 trang chiếm 5MB Ta có: 40 960MB : 5MB = 8 192 cuốn sách. Vậy 40 GB có thể chứa khoảng 8 192 cuốn sách như cuốn sách A.	0,25 0,25 0,25 0,25
Bài 3 (1 điểm)	+ Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin + Tấm bảng: Vật mang thông tin	0,5 0,25 0,25

* Hướng dẫn tự học:
- Đọc trước bài mới: Internet

=====

Ngày soạn : 30/10/2022

CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

TIẾT 10+11- BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống
- Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính
- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về các thành phần chính của mạng.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: mạng máy tính, các thành phần chính trong mạng.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về lợi ích của mạng hợp tác trong các hoạt động xã hội, sinh hoạt và sản xuất.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NL_C):

- Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính
- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

Năng lực D (NL_D):

- *Sử dụng* máy tính để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- **Chăm chỉ:** thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- **Trung thực:** thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- **Trách nhiệm:** hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

- **Kỷ luật:** Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 6

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.
- b. Nội dung:** HS đọc thông tin trong sgk, thực hiện yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy, đóng vai An và Minh đọc đoạn mở đầu.
- GV nhận xét hai bạn đóng vai, đặt vấn đề: Đoạn hội thoại trên đang giới thiệu với chúng ta về mạng internet. Vậy Internet là gì và nó có những đặc điểm và lợi ích gì, chúng ta cùng đến với **bài 5: Internet**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tiết 6

Hoạt động 1: Internet

- a. Mục tiêu:** Biết được Internet là gì.
- b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS xem câu hỏi và suy nghĩ để trả lời: + Em hiểu Internet là gì? + Người sử dụng Internet có thể làm được gì khi truy cập Internet? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động + HS trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV gọi HS đứng dậy đọc thông tin sgk và trả lời câu hỏi: + Muốn truy cập Internet thì máy tính cần phải làm gì?	1. Internet <u>NV1:</u> - Internet là mạng máy tính toàn cầu kết nối các máy tính và các mạng máy tính. - Khi truy cập internet, người sử dụng có thể tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin (liên lạc với người khác qua điện thoại hoặc thư điện tử, học ngoại ngữ, xem tin tức, nghe nhạc, xem phim, chơi game...). <u>NV2:</u> - Máy tính cần có kết nối với Internet. - Nhà cung cấp internet: FPT, VNPT, Viettel...

+ Em hãy nêu một số nhà cung cấp dịch vụ Internet? + Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet là gì? - GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức. - Tiếp đó, GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh câu hỏi trang 21 sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Nhóm trưởng trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.	- Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet: WWW, tìm kiếm thông tin, thư điện tử... Trả lời câu hỏi: a. ...liên kết.... mạng.... b. ...chia sẻ.... thông tin.... c.dịch vụ....
--	---

Hoạt động 2: Đặc điểm của Internet

a. Mục tiêu: HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật...

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Theo em Internet có những đặc điểm gì? - GV nhận xét câu trả lời của HS sau đó trình bày trước lớp các đặc điểm chính của Internet: + Tính toàn cầu + Tính tương tác + Tính dễ tiếp cận + Tính không chủ sở hữu	2. Đặc điểm của Internet + Tính toàn cầu: Là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên toàn cầu. + Tính tương tác: người dùng có thể nhận và gửi thông tin. + Tính dễ tiếp cận: Tốc độ truy cập cực nhanh, có thể thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi. + Tính không chủ sở hữu: là mạng máy tính toàn cầu, không thuộc cá nhân hay tổ chức nào sở hữu. Trả lời câu hỏi: + Đặc điểm chính của Internet gồm đáp án: A, B, D, F

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trang 21 sgk: + <i>Internet có những đặc điểm chính nào dưới đây?</i> + <i>Trong các đặc điểm của Internet, em thích đặc điểm nào nhất, vì sao?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả. + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	+ hs trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ của mình.
---	---

Tiết 7

Hoạt động 3: Một số lợi ích của Internet

a. Mục tiêu: HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt vấn đề, nêu nội dung và yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời + <i>Em thường dùng Internet để làm những việc gì?</i> + <i>Internet có những lợi ích gì?</i> - GV cho HS đọc thông tin, chốt kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + <i>Hãy chọn những việc mà em có thể làm với Internet?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, thảo luận, đưa ra kết quả. + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.	3. Một số lợi ích của Internet - Truy cập Internet để tìm tài liệu học tập, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, tìm kiếm thông tin, trao đổi thư, nhắn tin với bạn bè thầy cô, giải trí, mua bán, đăng bài trên mạng xã hội... - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang web (www), tìm kiếm, thư điện tử... - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt,... Trả lời câu hỏi:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	Những việc mà Internet có thể làm: a, b, d, e.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 trong sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Đáp án C.

Câu 2. Muốn máy tính kết nối được internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần vận dụng trang 22 sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Internet là một kho học liệu vô tận. Mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập và nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin, dạy và học trực tuyến, đào tạo từ xa... Internet mang lại rất nhiều lợi ích của các bạn Hs trong việc học tập, trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ....

Câu 2. Internet là mạng máy tính toàn cầu, nhờ đó mà thông tin được trao đổi và truyền tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho con người và cho sự phát triển của xã hội. Ngày nay, Internet có vai trò quan trọng ở rất nhiều lĩnh vực và góp phần thúc đẩy mối quan hệ về văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn cầu. Các công ty về máy tính và phần mềm không ngừng nâng cấp, sáng tạo và dành các khoản đầu tư lớn để cho ra mắt các sản phẩm mới, các phiên bản tốt hơn. Các nhà mạng cũng ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ để Internet được sử dụng phổ biến và hiệu quả hơn. Chính vì vậy mà Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

* Hướng dẫn tự học:

- Học thuộc bài

- Đọc trước bài : Mạng thông tin toàn cầu

Ngày soạn : 19/11/2022

CHỦ ĐỀ 3:
TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN
TIẾT 12+13; BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Trình bày sơ lược được khái niệm world wide web, website, địa chỉ website, trình duyệt.
- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.
- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự,

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

– *Sử dụng* được máy tính để khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng.

Năng lực C (NL_C):

-Trình bày sơ lược được khái niệm world wide web, website, địa chỉ website, trình duyệt.

- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước

Năng lực D (NL_D):

– Sử dụng máy tính để tìm kiếm thông tin trên mạng Internet.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: HS tiếp nhận thông tin

c. Sản phẩm học tập: Thái độ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Khi truy cập internet, em sẽ bước vào một thế giới thông tin vô cùng rộng lớn. Các trang thông tin trên Internet sẽ đưa em đi từ những câu chuyện hấp dẫn đến những bản nhạc du dương, từ những hình ảnh đẹp đến những kho tri thức quý giá. Các trang thông tin được nối với nhau tạo thành một mạng giống như mạng nhện khổng lồ bao trùm lên cả thế giới nên nó được gọi là mạng thông tin toàn cầu. Vậy để các em nắm rõ hơn về mạng thông tin toàn cầu. Chúng ta cùng đến với nội dung **bài 6: Mạng thông tin toàn cầu**.

- HS lắng nghe, ghi tên bài học vào vở.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tổ chức thông tin trên Internet

a. Mục tiêu:

- Biết được cách tổ chức thông tin trên một cuốn sách và trên Internet. Sự khác nhau giữa chúng

- Nêu được các dạng thông tin trên Internet

- Nhận biết được sự khác nhau giữa văn bản và siêu văn bản.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi vào bảng nhóm: + Thông tin trong một cuốn sách được tổ chức như thế nào? + Em đã xem thông tin trên Internet chưa? + Trên Internet có những dạng thông tin gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm. + GV quan sát, hỗ trợ khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Nhóm trưởng trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	1. Tổ chức thông tin trên Internet NV1: - Trong cuốn sách, thông tin được sắp xếp tuần tự. Chẳng hạn, cuốn sách Tin học 6 có các chủ đề, trong mỗi chủ đề có một số bài học, mỗi bài học có các phần, trong từng phần sẽ trình bày nội dung cụ thể. - Trên Internet có thông tin ở các dạng: văn bản, hình ảnh, âm thanh, các phần mềm, các liên kết,...

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. Nhiệm vụ 2: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tổ chức thông tin trên Internet - GV giải thích kĩ các khái niệm: website, liên kết, www... và thực hiện rõ cho HS xem trên máy chiếu. - Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới, GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 24sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + 2 HS đứng tại chỗ trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.	NV2: Trả lời câu hỏi: 1. Đáp án B 2. Ví dụ một số website phục vụ học tập: https://tech12h.com https://hanhtrangso.nxbgd.vn https://www.google.com https://www.youtube.com
--	--

Hoạt động 2: Trình duyệt

a. Mục tiêu: Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt vấn đề giới thiệu trình duyệt: Để truy cập vào một website, ta cần dùng một phần mềm ứng dụng được gọi là trình duyệt. Duyệt web là hoạt động truy tìm theo các liên kết để tìm thông tin. - GV nêu ví dụ, thông qua đó chỉ rõ trình duyệt đang dùng, quá trình duyệt web.	2. Trình duyệt - Trình duyệt là phần mềm giúp người dùng truy cập các trang web trên internet. - Người sử dụng có thể theo các liên kết để khai thác thông tin từ các trang web. Trả lời câu hỏi:

- GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 25 sgk: + Em hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết? + Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả. + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Một số HS đứng dậy trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Tên một số trình duyệt: Firefox, Google Chrome, Microsoft Edge, Safari, Coc Coc, Opera... - Để truy cập vào một trang web ta cần sử dụng một trình duyệt. + Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt. + Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ của trình duyệt. + Nhấn phím enter.
--	--

Hoạt động 3: Thực hành – Khai thác thông tin trên trang web

a. Mục tiêu: Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, thời sự...

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường). - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được. - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau: + Mở trình duyệt Google Chrome, nháy đúp lên biểu tượng  -> Nhập địa chỉ www.vi.wikipedia.org vào thanh địa chỉ -> Nháy chuột vào Wikipedia, bách khoa toàn thư mở. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS thực hành, GV quan sát hướng dẫn cho HS. Bước 3: Báo cáo, đánh giá	3. Thực hành Sau thực hành HS biết được: - Sử dụng trình duyệt để vào các trang web theo hướng dẫn. - Duyệt web để xem thông tin trên các trang. - Lưu địa chỉ trang web trên thanh Bookmark.

+ Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá bài thực hành.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần luyện tập trang 27sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Đáp án C.

Câu 2. Nói 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 27 sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Điểm khác nhau giữa cách tổ chức thông tin trong một cuốn sách và tổ chức thông tin trên Internet:

- Trong sách: Thông tin được tổ chức tuần tự theo chủ đề hoặc chương, bài, phần, nội dung từng phần. Khi người dùng cần tìm kiếm thông tin thì phải theo tuần tự, xem nội dung đó thuộc bài nào, chương mấy, ở trang nào trong sách. Đây là cách tổ chức tuyến tính.

- Trên WWW: Thông tin tổ chức dưới dạng siêu văn bản. Người sử dụng có thể dễ dàng truy cập để xem nội dung các trang web khi máy tính được kết nối với Internet. Các liên kết giúp người sử dụng dễ dàng di chuyển đến một trang web cụ thể có liên quan đến nội dung cần quan tâm, không theo tuần tự. Đây là cách tổ chức phi tuyến tính.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Ngày soạn : 3/12/2022

TIẾT 14- BÀI 7: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Máy tìm kiếm và công dụng của máy tìm kiếm.
- Xác định từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về máy tìm kiếm, từ khóa, khai thác thông tin trên Internet.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời về tìm kiếm thông tin.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra và thực hiện được tìm kiếm thông tin phục vụ học tập liên môn (ví dụ tìm hiểu về tầng ozone..) và áp dụng vào cuộc sống (ví dụ tìm kiếm thông tin du lịch ở địa điểm nào đó, thông tin dịch bệnh Covid 19..).

2.1. Năng lực tin học:

Năng lực A (NL_A):

- Sử dụng máy tìm kiếm, internet để hoàn thành nhiệm vụ của bài học.

Năng lực C (NL_C):

- Hiểu được tầm quan trọng của máy tìm kiếm, từ khóa: biết lựa chọn thông tin phù hợp và giá trị với mục đích tìm kiếm.

Năng lực D (NL_D):

- Sử dụng môi trường internet để tìm kiếm, thu thập thông tin phù hợp với mục đích tìm kiếm cho học tập.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.

Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

Trách nhiệm: rèn luyện tính cẩn trọng và chính xác, có tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập.
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: HS tiếp nhận thông tin

c. Sản phẩm học tập: Thái độ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu vấn đề: Mặc dù www là kho thông tin khổng lồ nhưng việc tìm kiếm trên đó có thể được thực hiện rất nhanh chóng và thuận tiện. Chẳng hạn, em chỉ cần nhớ vài câu trong một bài hát, em sẽ tìm thấy cả bài hát đó trên Internet với những video trình diễn của nhiều ca sĩ khác nhau. Bài học này sẽ giới thiệu với các em máy tìm kiếm trên Internet và cách sử dụng nó. **Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet.**

- HS lắng nghe, ghi tên bài học vào vở.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm kiếm thông tin trên internet

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được thế nào là máy tìm kiếm, từ khóa

- Tác dụng của máy tìm kiếm

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trang 28 sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm. + GV quan sát, hỗ trợ khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Nhóm trưởng trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. + GV lưu ý: Các thông tin trên internet rất đa dạng, có thể đúng và cũng có thể thiếu chính xác hoặc chưa đầy đủ. Do đó, các em HS nên tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn để so sánh, chọn lọc, tổng hợp để có được kết quả như mong muốn.	1. Tổ chức thông tin trên Internet NV1: - Hầu hết HS đã từng tìm kiếm thông tin trên internet và tìm được thông tin mong muốn. - Máy tìm kiếm là một trang web đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin nhanh, thuận tiện. - Những thuận lợi và khó khăn: + Thuận lợi: Nhanh, nhiều thông tin. + Khó khăn: phải chọn từ khóa phù hợp, phải sàng lọc, tổng hợp, kiểm tra độ tin cậy và đầy đủ của thông tin.

<u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về máy tìm kiếm. - GV cung cấp: Không phải mọi thông tin trên Internet đều miễn phí. Chẳng hạn nhiều bức ảnh và bài hát có đăng kí bản quyền. Người sử dụng phải trả phí khi khai thác tài nguyên này. - Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới, GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 29sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.	<u>NV2:</u> Trả lời câu hỏi: 1. Điền từ: a. tìm kiếm thông tin.... b.liên kết c. từ khóa.... 2. Đáp án đúng: A
--	---

Hoạt động 2: Thực hành – Tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

a. Mục tiêu: HS sử dụng một số máy tìm kiếm, thực hiện theo hướng dẫn, chọn từ khóa để tìm kiếm thông tin. Qua việc thực hiện tìm kiếm lần lượt với các từ khóa, HS rút ra được cách lựa chọn từ khóa phù hợp.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường). - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được. - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau:	3. Thực hành Sau thực hành HS biết được: - Sử dụng máy tìm kiếm để tìm thông tin. - Lựa chọn từ khóa phù hợp để tìm kiếm nhanh. - Cần phân tích, so sánh, chọn lọc thông tin.

=> Gõ địa chỉ <i>google.com</i> vào thanh địa chỉ, nhấn phím <i>enter</i> => Nhập từ khóa, nhấn phím <i>Enter</i>. - GV lưu ý: HS nên chọn từ khóa sát với vấn đề cần tìm. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS thực hành, thực hiện theo sự hướng dẫn của GV và nội dung trong sgk. + GV quan sát, hướng dẫn cho HS. Bước 3: Báo cáo, đánh giá + Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá hoạt động thực hành.	- Sao chép và lưu thông tin cần thiết đã tìm được.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần luyện tập trang 31sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Đáp án D

Câu 2. Đáp án C

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài tập 1 + 2 phần vận dụng trang 31 sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện.

- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.

Ngày soạn: 10/12/2022

TIẾT 15: ÔN TẬP HỌC KỲ I

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NLa): Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NLc): Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

Năng lực D (NLd):

– *Sử dụng* máy tính:

- + Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, ...
- + Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.
- + Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.
- + Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet
- + Tạo được tài khoản thư điện tử

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động :

- Biết phân biệt được thông tin và dữ liệu, cho ví dụ minh họa.

b. Nội dung : Hệ thống các kiến thức đã học trong học kì 1

c. Sản phẩm: Học sinh nắm được nội dung các bài học

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho học sinh khái quát lại các bài đã được học trong học kì 1.

- Đánh giá, nhận xét câu trả lời của học sinh

- Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

Hoạt động : ôn tập lý thuyết

a. Mục tiêu hoạt động: Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

b. Nội dung: ÔN TẬP LÝ THUYẾT

c. Sản phẩm: kiến thức từ đầu năm học đến nay

d. Tổ chức thực hiện: Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
- Chuyển giao nhiệm vụ học tập : Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Câu 1: Thông tin là gì? Dữ liệu là gì? Vật mang thông tin là gì? Cho ví dụ minh họa?  Câu 2: Quá trình xử lý thông tin gồm những bước nào? Máy tính gồm những thành phần nào? Và chức năng của các thành phần đó? Câu 3: 1. Thông tin trong máy tính được biểu diễn dưới dạng nào? Bit là gì? 2. Thông tin trong máy tính thường được tổ chức dưới dạng nào? Trong thực tế, người ta thường đo thông tin bằng đơn vị nào? Câu 4: Mạng máy tính là gì? Một mạng máy tính gồm những thành phần nào? Em hãy nêu một số lợi ích của mạng máy tính? Câu 5: Em hiểu Internet là gì? Internet có những lợi ích gì?	ÔN TẬP LÝ THUYẾT: Câu 1: - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình. - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh. - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin * Ví dụ: + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin + Tấm bảng: Vật mang thông tin Câu 2: * Quá trình xử lý thông tin gồm những bước: Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin. * Các thành phần máy tính và chức năng: + Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét, + Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, ... + Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra. + Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, ... Câu 3: 1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.

Câu 6: Trình duyệt Web là gì? Em hãy nêu một số trình duyệt em biết? Để truy cập vào một trang web nào đó em thực hiện như thế nào? Cho ví dụ minh họa?

Câu 7: Em biết gì về máy tìm kiếm? Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm thông tin em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.

HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.

Báo cáo kết quả thảo luận:

GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.

* Câu 1:

- Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.

- Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.

- Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin

* Ví dụ:

+ Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu

+ Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin

+ Tấm bảng: Vật mang thông tin

Câu 2:

- Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.

+ Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét,

+ Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, ...

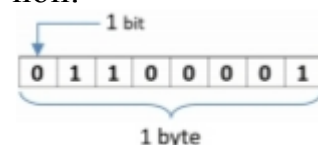
+ Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra.

- Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

2.

+ Văn bản, hình ảnh, âm thanh

+ Bảng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:



Đơn vị	Cách đọc	Kí hiệu	Giá trị	Xấp xỉ
byte	Bai	B	1 B	
kilobyte	Ki-lô-bai	KB	1024 B	1 nghìn byte
megabyte	Mê-ga-bai	MB	1024 KB	1 triệu byte
gigabyte	Gi-ga-bai	GB	1024 MB	1 tỉ byte
terabyte	Tê-ra-bai	TB	1024 GB	1 nghìn tỉ byte

Câu 4:

- Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính

- Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng

- Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.

Câu 5:

- Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới

+ Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.

+ Học tập và làm việc trực tuyến

+ Cung cấp nguồn tài liệu phong phú

+ Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống

+ Là phương tiện vui chơi, giải trí.

Câu 6:

- Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet

- Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chorme, Firefox,...

+ Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, ...

Câu 3:

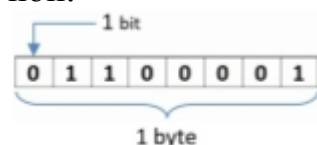
1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.

- Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

2.

+ Văn bản, hình ảnh, âm thanh

+ Bằng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:



Đơn vị	Cách đọc	Kí hiệu	Giá trị	Xấp xỉ
byte	Bai	B	1 B	
kilobyte	Ki-lô-bai	KB	1024 B	1 nghìn byte
megabyte	Mê-ga-bai	MB	1024 KB	1 triệu byte
gigabyte	Gi-ga-bai	GB	1024 MB	1 tỉ byte
terabyte	Tê-ra-bai	TB	1024 GB	1 nghìn tỉ byte

Câu 4:

- Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính

- Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng

- Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.

Câu 5:

- Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới

+ Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.

+ Học tập và làm việc trực tuyến

+ Cung cấp nguồn tài liệu phong phú

+ Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống

+ Là phương tiện vui chơi, giải trí.

Câu 6:

- Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống

- Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:

+ B1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt

+ B2: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ

Ví dụ: www.thanhnien.com.vn

+ B3. Nhấn Enter

Câu 7:

- Máy tìm kiếm là một website đặc biệt, giúp người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua các từ khóa.

- Kết quả tìm kiếm là danh sách các liên kết: Các liên kết có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video.

- Từ khóa tìm kiếm rất quan trọng. Lựa chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp tìm kiếm thông tin nhanh và chính xác

WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet

- Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chrome, Firefox,...

- Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:

+ B1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt

+ B2: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ

Ví dụ: www.thanhnien.com.vn

+ B3. Nhấn Enter

Câu 7:

- Máy tìm kiếm là một website đặc biệt, giúp người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua các từ khóa.

- Kết quả tìm kiếm là danh sách các liên kết: Các liên kết có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video.

- Từ khóa tìm kiếm rất quan trọng. Lựa chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp tìm kiếm thông tin nhanh và chính xác

GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.

HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:

GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm

b. Nội dung: Ôn tập lại kiến thức đã học

c. Sản phẩm: Trả lời được câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm

d. Tổ chức thực hiện:

- GV gửi các câu hỏi dạng trắc nghiệm cho học sinh thông qua đề cương vào nhóm lớp (đã gửi trước)

- Đánh giá, nhận xét các câu trả lời của học sinh.

1. C	2. D	3. A	4. B	5. C	6. D	7. B	8. C	9. D	10. B
11. B	12. A	13. D	14. B	15. B	16. A	17. D	18. A	19. C	20. D
21. A	22. C	23. A	24. B	25. C	26. B	27. A	28. D	29. C	30. C
31. D	32. D	33. D	34. D	35. C	36. B				

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Biết được các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay

b. Nội dung: Hệ thống các kiến thức trả lời các câu hỏi ứng dụng trong cuộc sống

c. Sản phẩm: các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Chuyển giao nhiệm vụ học tập : Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: + Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em: a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông Câu 2: Mạng máy tính là gì? Lợi ích của mạng máy tính? Câu 3: Internet là gì? Nêu 4 đặc điểm chính của internet? Câu 4: Hãy nêu các bước để tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet về tác giả Nguyễn Ngọc Ký và tác phẩm “ Tôi đi học” - Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn. HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận: GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động. - Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức: GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm.	+ Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em: a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông Câu 2: - Khái niệm mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính. - Lợi ích của mạng máy tính: Lợi ích của mạng máy tính: Người sử dụng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng. Câu 3: -Khái niệm Internet: Là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới. - 4 đặc điểm của internet là: + Tính toàn cầu + Tính tương tác + Tính dễ tiếp cận + Tính không chủ sở hữu Câu 4 : Bước 1 : Truy cập vào một máy tìm kiếm bất kỳ (1 trình duyệt) Bước 2 : Trong phần tìm kiếm gõ nội dung : Thông tin về tác giả Nguyễn Ngọc Ký và tác phẩm Tôi đi học Bước 3 : Nhấn Enter

*** Hướng dẫn tự học :**

- Ôn lại các kiến thức đã học trong học kì 1
- Chuẩn bị tiết sau kiểm tra cuối kì 1

=====

Ngày soạn : 16/12/2022

TIẾT 17, 18 - BÀI 8: THƯ ĐIỆN TỬ

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Thư điện tử, ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử
- Tài khoản thư điện tử
- Hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử
- Đăng ký tài khoản thư điện tử
- Đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thư điện tử, dịch vụ thư điện tử, tài khoản thư điện tử.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Địa chỉ thư điện tử

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được các phương thức trao đổi thông tin xưa và nay.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- Năng lực A (NL_A):

Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NL_C):

- *Nhận biết* thư điện tử
- *Nêu* được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử
- *Phân biệt* được các thành phần của địa chỉ thư điện tử
- *Nhận biết* tài khoản thư điện tử
- *Nhận biết* được hộp thư điện tử
- *Nhận biết* được dịch vụ thư điện tử
- *Nhận biết* cách đăng ký tài khoản
- *Nhận biết* được cách đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất

- Năng lực D (NL_D):

Đăng ký được tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: Giáo án, một số bức thư gửi bưu điện, thư điện tử, vài hình ảnh về các phương thức liên lạc khác, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Sách giáo khoa, sách bài tập, bút màu, tìm hiểu trước về kiến thức thư điện tử cùng các phương thức liên lạc khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV trình bày, HS lắng nghe, trả lời

c. Sản phẩm học tập: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát ba hình sau và trả lời: Mỗi bức ảnh cho em biết điều gì?



- HS quan sát, thảo luận, có ý kiến về các phương thức liên lạc ở các hình ảnh.

+ Hình 1: Bỏ câu đưa thư

+ Hình 2: Gửi thư qua bưu điện

+ Hình 3: Gửi thư điện tử

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học mới: **Bài 8: Thư điện tử.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Thư điện tử. Tài khoản thư điện tử

a. Mục tiêu:

- Biết được thư điện tử là gì

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1: Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Câu 1: Để soạn và gửi một bức thư qua đường bưu điện đến tay người nhận thì cần những gì và thực hiện như thế nào?	I. Thư điện tử, tài khoản thư điện tử 1. Thư điện tử - Thư gửi qua đường bưu điện: + Vật liệu: bút, mực, giấy, phong bì, tem thư.

Câu 2: Gửi thư qua bưu điện có nhanh không, có bảo mật không?

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.

HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.

Báo cáo kết quả thảo luận:

GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.

“Câu 1: Chuẩn bị: Lá thư, bì thư, tem, phí gửi

Cách thực hiện:viết thư bỏ vào bì thư ghi địa chỉ người nhận, dán tem, mang ra bưu điện gửi trả phí gửi. Bưu điện lưu thư chờ phương tiện như xe máy, ô tô, máy bay, ... mang thư đi

Câu 2: Thời gian lâu, có thể bị thất lạc thư

GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.

HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2:

Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:

Câu 1: Có cách nào để gửi thư nhanh hơn không? Hãy nêu thư điện tử là gì? Dịch vụ thư điện tử là gì?

Câu 2: Xem hình 3.9 trang 33 phân tích cú pháp của địa chỉ thư và giải thích?

Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.

HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công

+ Bên ngoài phong bì có dán tem thư, viết tên và địa chỉ người gửi, tên và địa chỉ người nhận.

+ Phương thức gửi: Mang thư đã dán tem và ghi địa chỉ người nhận đến bưu điện, hệ thống trong bưu điện sẽ đóng gói gửi đến địa chỉ người nhận, mọi công đoạn đều do con người trực tiếp xử lí.

+ Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử

+ Khi đăng ký thư điện tử người sử dụng sẽ có một hộp thư điện tử cùng địa chỉ thư và mật khẩu.

+ Địa chỉ thư điện tử có dạng:

<Tên đăng nhập>@<Địa chỉ máy chủ thư điện tử>

Trong đó:

* Tên đăng nhập: Người sử dụng tự chọn khi đăng ký

* Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định.

* Mật khẩu: người sử dụng tự chọn khi đăng kí.

+ Dịch vụ thư điện tử là dịch vụ cung cấp các chức năng soạn thảo, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.

* Chú ý:

Mỗi địa chỉ thư điện tử là duy nhất trên phạm vi toàn cầu

thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.

Báo cáo kết quả thảo luận:

GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.

Câu 1: Cách thực hiện khác nhanh hơn: thư điện tử.

- Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử **thông qua mạng Internet**

- Dịch vụ thư điện tử cung cấp các chức năng để soạn, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.

Câu 2:

- Cú pháp địa chỉ thư điện tử: <tên đăng nhập>@<địa chỉ máy chủ thư điện tử> trong đó:

+Tên đăng nhập: Do người sử dụng tự chọn khi đăng ký tài khoản thư điện tử

+Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định

+ Mật khẩu: Do người sử dụng tự chọn khi đăng ký.

GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.

HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập 3:

Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:



1. Dịch vụ thư điện tử là gì?

2. Địa chỉ thư điện tử nào sau đây không đúng? Tại sao?

A. khoa123@gmail.com

B. minhluan@gmail.com

C. nmha@hnm.edu.vn

D. thuyk39@yahoo.com

- Thực hiện nhiệm vụ học tập :

GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.

HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công

thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.

Báo cáo kết quả thảo luận:

GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.

Câu 1:

Dịch vụ thư điện tử là dịch vụ cung cấp các chức năng soạn thảo, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.

Câu 2:

Địa chỉ B sai vì thiếu dấu @ và thừa dấu “.” trước chữ “gmail” của tên

GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.

HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:

+ GV nhận xét, chốt kiến thức

Kết luận

- Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử

- Dịch vụ thư điện tử cung cấp các chức năng dễ soạn, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.

- Địa chỉ thư điện tử có dạng: <tên đăng nhập>@<địa chỉ máy chủ thư điện tử>

+ Tên đăng nhập: Do người sử dụng tự chọn khi đăng ký tài khoản thư điện tử

+ Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định

+ Mật khẩu: Do người sử dụng tự chọn khi đăng ký.

Hoạt động 2: Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

a. Mục tiêu: Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiếp nhận kiến thức, vận dụng sgk thảo luận, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Nhiệm vụ 1:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trang 33 sgk: *Theo em dịch vụ thư điện tử có những ưu điểm và nhược điểm gì so với các phương thức liên lạc khác?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi
- + GV quan sát, hướng dẫn cho HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

Nhiệm vụ 2:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HS đọc phần nội dung kiến thức mới để hiểu rõ hơn ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.

- GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 34sgk.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

2. Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

***Ưu điểm:** Có tính pháp lí, nhanh, tiện, rẻ, bảo mật, thư gửi khắp nơi, bao gồm các dạng thông tin, bảo vệ môi trường...

***Nhược điểm:** Cần có phương tiện điện tử kết nối mạng, bị làm phiền vì thư rác hay quảng cáo, có thể gặp một số nguy cơ như tin tặc xâm nhập, virus máy tính,...

NV2:

- Ưu điểm: Dịch vụ thư truyền thống có thể chuyển thư bằng các phương tiện khác nhau: máy bay, tàu, xe, người,... tới mọi nơi không cần các thiết bị điện tử, kết nối mạng. Thư truyền thống được viết trên giấy (hoặc vải,...) trong mọi điều kiện. Người ta có thể gửi đi các vật liệu hàm chứa thêm nội dung hay ý nghĩa khác, điều này có thể rất quan trọng đối với nhiều người.

- Nhược điểm: chi phí cao, thời gian chuyển thư dài, số lượng thư gửi và nhận bị hạn chế, có thể bị chuyển nhầm hoặc thất lạc. Có trường hợp gặp thư phá hoại như là thư có tấm chất độc, bom thư,...

- Dịch vụ thư điện tử ra đời đã giúp cho dịch vụ thư truyền thống giảm bớt những khó khăn, khắc phục được nhiều hạn chế, số lượng thư gửi qua đường bưu điện đã giảm đi rất nhiều, các chi phí cho việc vận chuyển này cũng giảm đáng kể.

Hoạt động 3: Thực hành – Đăng kí tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử.

a. Mục tiêu: Thực hiện được một số thao tác cơ bản: đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường). - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được. - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau: + <i>Mở một tài khoản thư điện tử</i> + <i>Đăng nhập hộp thư mới mở</i> + <i>Soạn thư mới</i> + <i>Gửi thư cho bạn (có thể gửi cho nhiều bạn cùng lúc).</i> + <i>Nhận và xem thư</i> + <i>Tìm và gửi cho bạn bưu thiếp chúc mừng sinh nhật bạn (hoặc nhân dịp gì đó).</i> + <i>Đăng xuất hộp thư</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS thực hành, thực hiện theo sự hướng dẫn của GV và nội dung trong sgk. + GV quan sát, hướng dẫn cho HS. Bước 3: Báo cáo, đánh giá + Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá hoạt động thực hành.	3. Thực hành Sau khi thực hành, HS biết: - Tạo một tài khoản thư điện tử. - Đăng nhập hộp thư - Soạn thư mới và gửi thư cho bạn - Nhận và xem thư - Nâng cao: tìm và gửi ảnh, bưu thiếp. - Đăng xuất.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 và 3 phần luyện tập trang 36sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Đáp án C

Câu 2. Một người có thể mở được nhiều tài khoản thư điện tử với các tên khác nhau. Mỗi hộp thư sẽ có một địa chỉ riêng, không bao giờ trùng với địa chỉ thư điện tử khác.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

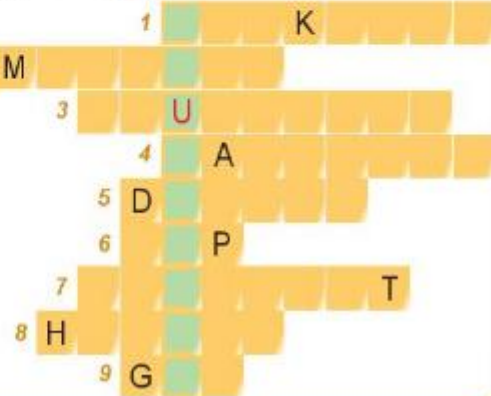
- GV tổ chức trò chơi giải ô chữ trang 36 sgk cho HS tham gia.



TRÒ CHƠI: GIẢI Ô CHỮ

Hãy tìm từ khoá (tiếng Việt không dấu) trong cột màu xanh trong ô chữ dưới đây. Biết rằng mỗi từ hoặc cụm từ trong mỗi hàng là đáp án để thay thế dấu hỏi chấm (?) trong các câu sau:

1. Để có hộp thư điện tử người sử dụng cần đăng kí (?) thư điện tử với nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử.
2. Để bảo mật cho tài khoản thư thì người sử dụng cần đặt (?).
3. Khi gửi thư, ta cần ghi rõ địa chỉ của (?).
4. Muốn vào hộp thư thì người sử dụng cần (?).
5. Mỗi hộp thư điện tử được gắn với một (?).
6. Nháy nút  (Đính kèm) nếu có gửi kèm (?).
7. Nháy nút (?) để ra khỏi hộp thư điện tử.
8. Sau khi tạo tài khoản, người sử dụng sẽ có một (?).
9. Nháy nút (?) để thư được chuyển đi.



- HS lắng nghe câu hỏi, nhanh chóng giơ tay trả lời ô chữ hàng ngang

1.TAIKHOAN 2. MATKHAU 3. NGUOINHAN 4. DANGNHAP

5. DIACHI 6. TEP 7. DANGXUAT 8. HOPTHU 9.GUI

Từ khóa màu xanh: **THUDIENTU**

- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.

* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

- Học thuộc bài

- HS tự thực hành lập 1 tài khoản thư điện tử cho riêng mình.

=====

Ngày soạn : 5/02/2023

CHỦ ĐỀ 4:
ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ
TIẾT 19- BÀI 9: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng internet.
- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân.

2. Về năng lực:

- HS hình thành và phát triển được tư duy logic, khả năng phán đoán và giải quyết vấn đề.
- Nội dung gắn liền kiến thức với thực tế, nhằm kết nối tri thức với cuộc sống.

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NLc):

Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực C (NLc):

- Biết tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng internet.

Năng lực D (NLd):

Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Cởi mở: Thể hiện sự cởi mở và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Thận trọng: Cẩn trọng trước những thông điệp, người xấu trên mạng Internet.

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, phiếu học tập
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 6

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đóng đoạn hội thoại phần khởi đầu.

c. Sản phẩm học tập: HS trình diễn phần đóng vai

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu hai HS đóng vai hai bạn An và Minh thể hiện đoạn hội thoại của phần khởi động trước lớp.

Một buổi sáng, Minh đến lớp với vẻ mặt buồn thiu tìm An để nói chuyện

Minh: Bạn biết không, tối qua tớ làm hỏng máy tính rồi. Tớ lo là các tệp ảnh chụp hôm đi dã ngoại trong máy bị mất.

An: Bạn đã làm gì để xảy ra sự cố này?

Minh: Tớ tải một phần mềm trò chơi trên mạng và cài đặt, máy tính khởi động lại rồi bị treo luôn

An: Máy tính của bạn có cài phần mềm chống virus không?

Minh: Có! Nhưng vì háo hức muốn chơi nên tớ đã bỏ qua cảnh báo khi cài đặt.

An: Vấn đề là ở chỗ ấy đấy! Máy tính nhà bạn có thể đã nhiễm virus hoặc mã độc rồi. Bạn nên nói với bố mẹ nhờ chuyên gia máy tính kiểm tra xem sao.

- GV nhận xét, đánh giá màn đóng vai của hai bạn, tuyên dương 2 bạn đã có tinh thần xung phong. GV đặt vấn đề vào bài học mới, **bài 9: An toàn thông tin trên Internet.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên internet
- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ1. Sau đó, GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận nội dung: + <i>Bạn Minh đã gặp phải rắc rối gì?</i> + <i>Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm. + GV quan sát, hỗ trợ khi cần	1. Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet NV1: - Bạn Minh có nguy cơ bị mất dữ liệu do máy tính bị nhiễm virus. - Tác hại và nguy cơ khi dùng internet: + Người sử dụng internet có thể bị đánh cắp và phát tán thông tin cá nhân, từ đó bị đe dọa, bị bắt nạt, trẻ em bị xâm hại tình dục (hình ảnh, video,...); bị lừa đảo, dụ dỗ, có thể

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện mỗi nhóm 1 bạn đứng dậy báo cáo kết quả thảo luận được

+ GV gọi HS nhóm khác đánh giá nhóm bạn trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý.

Nhiệm vụ 2:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tác hại và nguy cơ khi dùng internet

- GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 38sgk.

1. Em hãy tìm phương án sai.

Khi dùng Internet có thể:

- A. Bị lôi kéo vào các hoạt động không lành mạnh.
- B. Máy tính bị nhiễm virus hoặc mã độc.
- C. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng.
- D. Bị lừa đảo hoặc lợi dụng.

2. Việc làm nào được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên Internet?

- A. Mở thư điện tử do người lạ gửi.
- B. Tải các phần mềm miễn phí trên Internet không có kiểm duyệt.
- C. Liên tục vào các trang xã hội để cập nhật thông tin.
- D. Vào trang web tìm kiếm để tìm tư liệu làm bài tập về nhà.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi

+ GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.

+ GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

bị nhận tin giả, hoặc bị lôi kéo làm việc bất hợp pháp...

+ Máy tính có thể bị nhiễm virus hay mã độc.

+ Trẻ em dành quá nhiều thời gian trên mạng để lướt web, chơi game dẫn đến nghiện mạng xã hội, sống ảo, nghiện game.

NV2:

1. Khi dùng Internet có thể:

Phương án sai là: C. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng.

2. Việc làm được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên mạng Internet là:

D. Vào trang tìm kiếm để tìm tư liệu làm bài tập về nhà.

Hoạt động 2: Một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet**a. Mục tiêu:**

- HS nêu lên được những việc cần làm để tránh gặp phải những rắc rối, những nguy cơ.

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên internet.
- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

b. Nội dung: GV nêu yêu cầu, HS tham khảo nội dung sgk, vận dụng kiến thức thảo luận và thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ2. Sau đó, GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận cặp đôi nội dung: + <i>Em đã từng sử dụng Internet chưa? Em đã bao giờ gặp phải một trong những nguy cơ như trên chưa? Nếu gặp phải em sẽ làm gì?</i> + <i>Em cần phải làm gì để phòng tránh những nguy cơ và tác hại có thể gặp phải khi sử dụng internet?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS bắt cặp với bạn ngồi cạnh bên, thảo luận và tìm ra câu trả lời. + GV quan sát, hỗ trợ khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi đại diện một số cặp đôi đứng dậy nêu lên câu trả lời của cặp sau khi thảo luận. + GV gọi HS một số bạn khác đánh giá câu trả lời bạn vừa trình bày. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý. <u>Nhiệm vụ 2:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về một số quy tắc an toàn khi sử dụng internet - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức	2. Một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet <u>NV1:</u> - Người sử dụng cần giữ an toàn thông tin cá nhân, tránh gặp gỡ những người quen trên mạng, không tham gia các hội nhóm mà mình không biết hoặc không lành mạnh. - Máy tính cần được cài đặt phần mềm chống virus, không nhận thư tay tin nhắn từ người lạ, kiểm tra độ tin cậy của thông tin, không dành quá nhiều thời gian trên mạng, chơi game - Chia sẻ với người tin cậy về suy nghĩ, tình cảm, những khó khăn hoặc tình huống không tốt bị mắc phải. - Dành thời gian tập trung cho học tập, giúp đỡ bố mẹ, đọc sách, các hoạt động thể chất, hoạt động xã hội, tham gia các hoạt động lành mạnh. <u>NV2:</u> 1. Giải pháp để giữ bí mật thông tin cá nhân: + Đặt mật khẩu cho máy tính + Không chia sẻ thông tin cá nhân và thông tin của người thân, bạn bè trên mạng hay cho người khác (trừ trường hợp cần thiết),... 2. HS trả lời theo ý kiến của riêng mỗi người.

Thông tin phải giữ AN TOÀN Chớ nên GẬP GỖ bạn vừa mới quen. Không CHẤP NHẬN, chớ có quên. Tăng độ TIN CẬY, điều nên giữ gìn. NÓI RA với người bạn tin. Năm quy tắc đó nên in vào lòng. - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 39sgk. + <i>Em có thể đưa ra một số giải pháp để giữ bí mật thông tin cá nhân không?</i> + <i>Trong 5 quy tắc trên, em thấy quy tắc nào quan trọng nhất? Tại sao?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi + GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả. + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.	
---	--

Hoạt động 3: An toàn thông tin

a. Mục tiêu:

- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.
- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

b. Nội dung: GV nêu yêu cầu, HS tham khảo nội dung sgk, vận dụng kiến thức thảo luận và thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ3. Sau đó, GV yêu cầu HS thực hiện	3. An toàn thông tin net NV1: Phiếu BT HĐ3 1. Một số người nhận thư có thể tỏ thái độ khó chịu với Minh, nghĩ là Minh không tốt; có bạn phê phán

thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập của hoạt động 3.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS lập nhóm, thảo luận và tìm ra câu trả lời.

+ GV quan sát, hỗ trợ khi cần

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi đại diện nhóm đứng dậy nêu lên câu trả lời của cặp sau khi thảo luận.

+ GV gọi HS một số bạn khác đánh giá câu trả lời nhóm vừa trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS đọc phần nội dung kiến thức mới về an toàn thông tin

- GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện hoạt động 4:

+ *Một bạn quen trên mạng xin số điện thoại và địa chỉ của em để gặp nhau nói chuyện? Em có nên cho không? Tại sao?*

+ *Em được một bạn gửi qua mạng cho một số thông tin không tốt về một số bạn khác cùng lớp. Em có nên đăng lên mạng để mọi người cùng biết không?*

- GV cho HS đọc kiến thức mới, chốt nội dung trong hộp kiến thức.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi

+ GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.

Minh; có bạn hỏi lại Minh thực hư sự việc;...

2. Bạn không nên mở liên kết hoặc thư điện tử đó. Trao đổi với bố mẹ hoặc thầy cô sự việc đó và xin lời khuyên.

3. Để bảo vệ tài khoản thư điện tử, ta cần: Đặt mật khẩu mạnh để không bị người khác đoán biết, bảo vệ mật khẩu, đăng xuất khi dùng xong, cài đặt phần mềm diệt virus,...

NV2: HD4

1. Em không cho người quen trên mạng số điện thoại và địa chỉ của em. Không hẹn gặp người nói chuyện với người đó vì có thể gặp điều không hay.

2. Em sẽ không đăng tin không tốt về bạn cùng lớp trên mạng. Em sẽ tìm hiểu để biết thông tin đó đúng hay sai và có thể làm gì để giúp đỡ bạn.

+ GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần luyện tập trang 41sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Đáp án A, B, D, E

Câu 2: Đáp án A, B, C, D, E

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Đáp án của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 41sgk: Em hãy đưa ra một số cách nhận diện những trò lừa đảo trên Internet?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Những trò lừa đảo trên mạng thường là những lời quảng cáo đánh vào lòng tham vật chất, những lời dụ dỗ, rủ rê làm những việc liên quan đến các vấn đề nhạy cảm, những tin nhắn tự giới thiệu là người quen của cha mẹ để bảo em làm điều gì đó mà không cho bố mẹ biết, tin nhắn của người lạ hay đại diện cho một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc, những lời giới thiệu gây sự tò mò, hiếu kì,...

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Ngày dạy: 5/02/2021

Tiết 20+21 BÀI 10. SƠ ĐỒ TƯ DUY (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết sắp xếp một cách logic và trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.
- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.
- Tạo sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.

2. Năng lực

* **Năng lực tin học:**

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (Nla)
- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học (Nld), năng lực hợp tác trong môi trường số (Nle).

* **Năng lực chung:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

3. Phẩm chất:

- HS có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm
- Thông qua việc hiểu, giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy và nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm, HS được rèn luyện tư duy phê phán.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Máy tính cài đặt phần mềm sơ đồ tư duy. Một số hình ảnh tư liệu về sổ lưu niệm.

2. Đối với học sinh: Giấy trắng A4 để vẽ sơ đồ tư duy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Hoạt động này đặt vấn đề cho sản phẩm số mà HS sẽ tạo ra sau khi học xong chủ đề ứng dụng tin học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đóng đoạn hội thoại phần khởi đầu và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS đọc cuộc hội thoại giữa Minh, An và Khoa. Sau đó, tìm hiểu và trả lời câu hỏi của hoạt động 1: <i>1. Hãy tưởng tượng khi 50 tuổi, em tìm thấy cuốn sổ lưu niệm đã của của lớp mình. Hãy viết ra ba điều mà cuốn sổ lưu niệm làm em thích thú, một điều làm em hạnh phúc và một điều gợi lại cho em kỉ niệm buồn.</i> <i>2. Theo em sổ lưu niệm sẽ gồm những thông tin gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	1. Câu trả lời tùy thuộc HS. 2. Một số gợi ý về nội dung của cuốn sổ lưu niệm: + Danh sách lớp và GV + Thông tin về một số hoạt động thể thao và văn hóa của lớp. + Những cảm nhận về thầy cô và bạn bè. + Những thành tích của lớp trong các cuộc thi.

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi của HĐ1 + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mình + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.	+ Một số chủ đề mà mọi HS trong lớp quan tâm.
--	---

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Sơ đồ tư duy

a. Mục tiêu: Hoạt động này đặt vấn đề cho sản phẩm số mà HS sẽ tạo ra sau khi học xong chủ đề ứng dụng tin học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đóng đoạn hội thoại phân khởi đầu và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về sơ đồ tư duy. - Sau khi HS tìm hiểu xong, GV cho HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm thông qua phiếu BT HĐ2. - GV chốt nội dung chính trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr43sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập được giao. + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của mình + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.	1. Sơ đồ tư duy <u>PBT</u> 1. Cách biểu diễn bằng sơ đồ tư duy dễ hiểu, dễ nhớ hơn. 2. Sử dụng sơ đồ tư duy giúp dễ dàng ghi nhớ và tiết kiệm thời gian. 3. Tên của chủ đề chính là: Sơ đồ tư duy, có bốn chủ đề nhánh là: “lợi ích”, “làm gì?” “thành phần” và “người sáng tạo”. 4. Các ý chi tiết của chủ đề “thành phần” là: từ khóa, hình ảnh, đường nối. <u>Trả lời câu hỏi tr43:</u> Câu 1. Đáp án A, C, D Câu 2. Đáp án A, B, C

Hoạt động 2.2: Cách tạo sơ đồ tư duy

a. Mục tiêu: HS vẽ được sơ đồ tư duy trên giấy trình bày nội dung của cuốn sổ lưu niệm.

b. Nội dung: HS đọc nội dung sgk, quan sát GV hướng dẫn và thực hiện

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm là sơ đồ tư duy

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về cách tạo sơ đồ tư duy.
- Sau khi HS tìm hiểu xong, GV cho HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm thông qua việc thực hiện HĐ3.
- GV cho các nhóm trình bày sản phẩm sơ đồ tư duy.
- GV tiếp tục giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi tr45sgk : *Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hành thảo luận nội dung và vẽ sơ đồ tư duy sổ lưu niệm.
- + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày sản phẩm
- + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.

2. Cách tạo sơ đồ tư duy HĐ3

- Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.
- Hạn chế vẽ sơ đồ tư duy trên giấy:
 - + Khó khăn trong việc thêm, bớt hoặc thay đổi thông tin.
 - + Khó có thể chia sẻ với nhiều người, đặc biệt là người ở xa
 - + Mất nhiều thời gian

Trả lời câu hỏi:

Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là: *D. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần giấy và bút. Thể hiện được phong cách riêng của người tạo.*

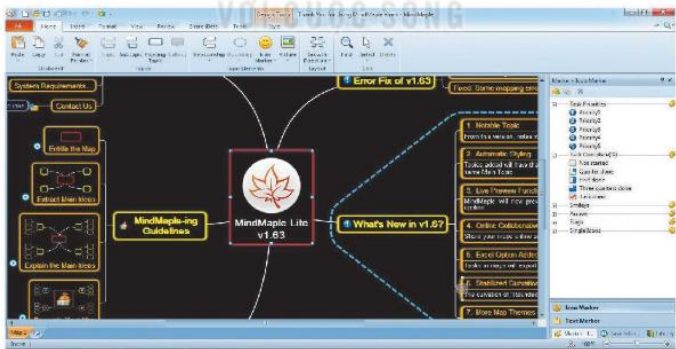
Hoạt động 2.3: Thực hành – Tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính

a. Mục tiêu: HS vẽ được sơ đồ tư duy trên giấy trình bày nội dung của cuốn sổ lưu niệm.

b. Nội dung: HS đọc nội dung sgk, quan sát GV hướng dẫn và thực hiện

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm là sơ đồ tư duy

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giới thiệu phần mềm sơ đồ tư duy MindMaple Lite. - GV sử dụng phần mềm, thực hiện minh họa cho HS quan sát. B1: Khởi động phần mềm  B2: Tạo sơ đồ tư duy	3. Thực hành tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính - Sản phẩm trình bày của HS

B3: Tạo các chủ đề nhánh

- + Nháy chuột vào ô "sổ lưu niệm lớp 6A" để chọn chủ đề chính.
- + Chọn **Insert/Subtopic**

Một chủ đề nhánh được tạo ra và nối với chủ đề chính vừa chọn

Nháy chuột vào chủ đề nhánh vừa tạo để nhập tên

Thực hiện tương tự để tạo các chủ đề nhánh khác.

B4: Ghi lại kết quả bằng cách chọn: File/Save và đánh tên tệp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS quan sát kĩ từng bước khi GV hướng dẫn
- + HS thực hiện tương tự các thao tác như GV để hoàn thiện sơ đồ tư duy.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày sản phẩm
- + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

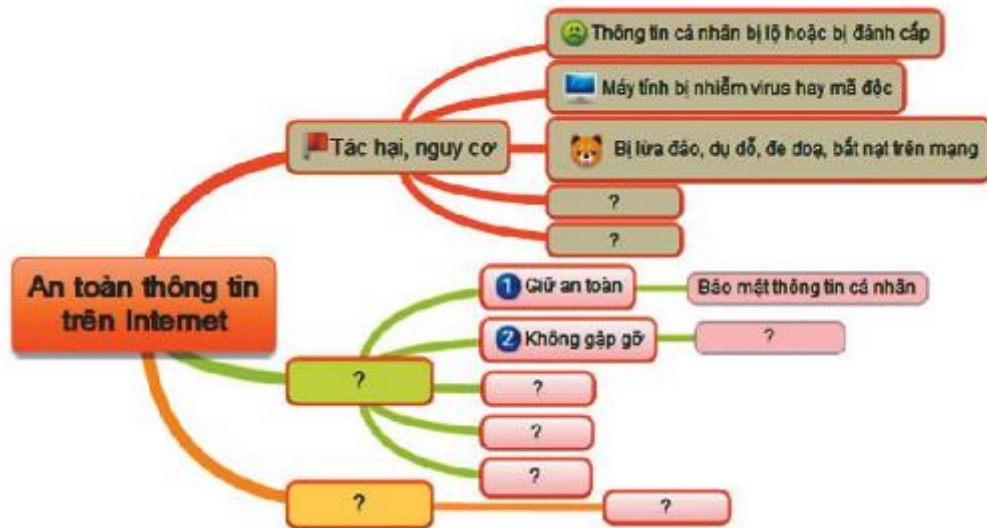
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm hoàn thiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS bổ sung các nhánh nội dung cho sơ đồ tư duy (nếu cần), chỉnh sửa lại màu sắc, các kiểu đường nối, hình ảnh, biểu tượng...cho sơ đồ thêm sinh động, đẹp mắt. Sau đó cùng GV và các nhóm khác thống nhất dàn ý cuốn sổ lưu niệm.

- GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy bằng phần mềm trình bày tóm tắt nội dung của bài 9. An toàn thông tin trên Internet



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và thực hiện, GV quan sát, hướng dẫn cho HS khi cần.

- HS trình bày sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*** HƯỚNG DẪN TỰ HỌC :**

- Xem lại kiến thức bài học
- Tự thực hành vẽ sơ đồ tư duy trên phần mềm
- Đọc trước bài mới

Ngày soạn: 10/2/2023

Tiết 22+23
BÀI 11: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản
- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản
- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.

2. Năng lực

a. Năng lực tin học: Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

b. Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong học và tự học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Phòng thực hành máy tính đã cài đặt phần mềm soạn thảo văn bản.

2. Đối với học sinh: Chuẩn bị tư liệu văn bản, hình ảnh cho nội dung sổ lưu niệm theo dàn ý đã lập ở bài sơ đồ tư duy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: GV cho HS đóng vai nhân vật

c. Sản phẩm học tập: Thái độ tham gia của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho *bạn bạn đứng dậy đóng vai ba bạn An, Minh, Khoa hoàn thành đoạn hội thoại mở đầu trong sgk.*

- GV đặt vấn đề: Phải chăng, nội dung trao đổi của ba bạn An, Minh, Khoa cũng là vấn đề các em đang quan tâm, thắc mắc đúng không? Để đi tìm câu trả lời cho nó, chúng ta sẽ cùng đến với **bài 11: Định dạng văn bản.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Phần mềm soạn thảo văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	1. Phần mềm soạn thảo văn bản NV1: 1. Các phần mềm cần sử dụng để tạo sổ lưu niệm:

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trang 48 sgk:
+ Dựa vào sơ đồ tư duy trình bày nội dung cuốn sổ lưu niệm ở bài 10, em hãy lựa chọn các phần mềm cần sử dụng để tạo nội dung cho cuốn sổ trên máy tính.

+ Các phần mềm đó cần có chức năng gì để giúp em hoàn thành công việc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.

+ GV quan sát, hỗ trợ khi cần

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Nhóm trưởng trình bày kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS đọc nội dung giới thiệu phần mềm soạn thảo văn bản để biết chức năng cơ bản của phần mềm.

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu mỗi HS tự suy nghĩ và trả lời: *Vậy trong các chức năng (soạn thảo văn bản, chèn hình ảnh và chỉnh sửa ảnh, bảng biểu, tạo chữ nghệ thuật...) của phần mềm soạn thảo văn bản, em sẽ sử dụng chức năng nào để tạo nội dung cho cuốn lưu niệm?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

+ Phần mềm soạn thảo văn bản

+ Có thể bổ sung một số phần mềm khác theo nhu cầu công việc như phần mềm chỉnh sửa ảnh, phần mềm tạo chữ nghệ thuật,...

2. Một số chức năng phần mềm cần có để hoàn thành sổ lưu niệm:

+ Soạn thảo văn bản

+ Chèn hình ảnh và chỉnh sửa hình ảnh

+ Bảng biểu

+ Tạo chữ nghệ thuật.

NV2:

- Chức năng của phần mềm soạn thảo văn bản để tạo nội dung cuốn sổ lưu niệm là:

+ Tạo chữ nghệ thuật

+ Soạn thảo văn bản

+ Chèn ảnh...

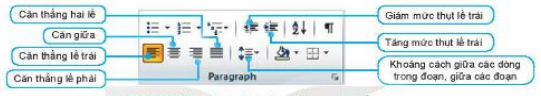
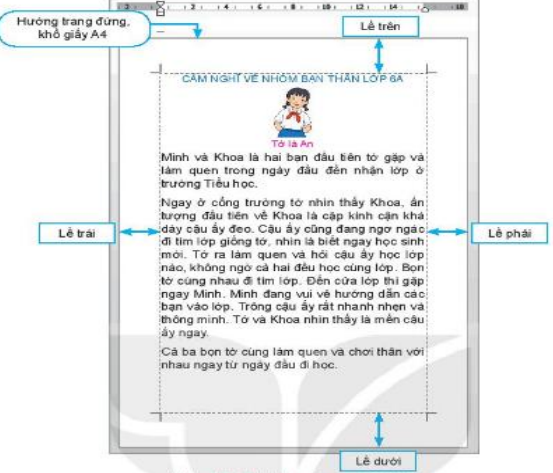
Hoạt động 2: Định dạng văn bản in

a. Mục tiêu: Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu kiến thức định dạng văn bản, định dạng trang văn bản và in văn bản. - GV hướng dẫn từng bước và chốt kiến thức chính trong phần định dạng văn bản Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc kiến thức, quan sát GV thực hiện, nắm các ý chính. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 1 số HS nêu lại các ý vừa được hướng dẫn để nắm vững kiến thức. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức, HS ghi vào vở.	2. Định dạng văn bản in a. Định dạng văn bản đoạn  Hình 5.4. Các lệnh định dạng đoạn văn bản  Hình 5.5. Đoạn văn bản sau khi được định dạng b. Định dạng trang văn bản  Hình 5.6. Trình bày trang văn bản c. In văn bản  Hình 5.7. Các lệnh để in văn bản

Hoạt động 3: Thực hành – Định dạng văn bản

a. Mục tiêu: Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, quan sát GV hướng dẫn, học sinh thực hiện theo mẫu.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả HS thực hành

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức hoạt động thực hành cho HS theo từng bước hướng dẫn trong sgk. <i>a. Khởi động phần mềm và nhập nội dung</i> <i>b. Căn lề đoạn văn bản</i> <i>c. Chọn hướng trang lề</i> + Chọn hướng trang (Orientation) + Chọn lề trang (Margins) <i>d. Lưu tệp</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc kiến thức, quan sát GV làm minh họa và thực hành. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV kiểm tra quá trình thực hành của một số HS. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức.	3. Thực hành định dạng văn bản - Sản phẩm thực hành của HS.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần luyện tập trang 52sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Câu 1. Chọn hướng trang phù hợp cho các văn bản:

a. Đơn xin nghỉ học: hướng trang đứng

b. Báo cáo tổng kết năm học của lớp: hướng trang đứng hoặc trang ngang

c. Sổ lưu niệm của lớp: hướng trang đứng

d. Sách ảnh chứa ảnh phong cảnh: hướng trang ngang.

Câu 2. Lục bát là thể thơ phổ biến trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam. Các cặp thể thơ lục bát gồm một câu 6 tiếng xen kẽ để phối vần với nhau. Để có sự cân đối trong bố cục của thể thơ lục bát, chúng ta nên lựa chọn căn lề giữa cho đoạn văn bản.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và về nhà thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: *về nhà, sử dụng sơ đồ tư duy để trình bày kết quả thảo luận về nội dung cuốn sổ lưu niệm của lớp. Các em hãy thực hiện các công việc sau:*

a. Soạn thảo thêm nội dung cho cuốn sổ lưu niệm

b. Chèn thêm hình ảnh minh họa

c. Căn lề và định dạng trang để có được bố cục hợp lí và đẹp

d. Lưu lại tệp để dùng cho việc tạo cuốn sổ lưu niệm của lớp.

- HS lắng nghe nhiệm vụ, hỏi đáp những vấn đề còn chưa rõ, về nhà hoàn thành báo cáo kết quả vào tiết học sau.

- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.

Ngày soạn: 25/02/2022

Tiết 24+25

BÀI 12: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng
- Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

2. Năng lực

*Năng lực tin học:

- Phát triển năng lực tổ chức và trình bày thông tin
- Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ và thông tin

* **Năng lực chung:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối với giáo viên:** Phòng thực hành máy tính đã cài đặt phần mềm soạn thảo văn bản.

2. **Đối với học sinh:** Chuẩn bị tư liệu văn bản, hình ảnh cho nội dung sổ lưu niệm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV cho HS đóng vai nhân vật, trả lời hoạt động 1

c. **Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia của HS, câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV cho bạn bạn đứng dậy đóng vai ba bạn An, Minh, Khoa hoàn thành đoạn hội thoại mở đầu trong sgk.

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi ở hoạt động 1.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thực hiện, GV nhận xét dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trình bày thông tin ở dạng bảng

a. **Mục tiêu:** HS biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin dạng bảng.

b. **Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới sau đó yêu cầu trả lời câu hỏi ở Hoạt động 2 tr54 sgk. + <i>Bảng trên gồm mấy cột, mấy hàng?</i> + <i>Trò chơi nào được nhiều bạn nam yêu thích nhất? Trò chơi nào được nhiều bạn nữ yêu</i>	1. Trình bày thông tin ở dạng bảng + Bảng dữ liệu gồm 4 cột, 5 hàng + Trò chơi được các bạn nam yêu thích nhất là kéo co (19 bạn). Trò chơi được các bạn nữ yêu thích nhất là Trao tín gậy (18 bạn). Trò

<i>thích nhất? Trò chơi nào được học sinh của lớp yêu thích nhất?</i> + Nếu không dùng bảng biểu diễn thì việc so sánh và tìm kiếm có dễ không? - HS thực hiện xong HĐ 2, GV chốt kiến thức chính được trình bày trong hộp kiến thức. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi của HĐ 2. + GV quan sát, hỗ trợ khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.	chơi được HS của lớp yêu thích nhất là kéo co (35 bạn). + Bảng dữ liệu giúp việc so sánh và tìm kiếm trở nên dễ dàng hơn.
---	---

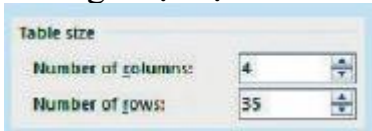
Hoạt động 2: Tạo bảng

a. Mục tiêu: Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu cách tạo bảng. - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi tr55 sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS bắt cặp, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi đại diện một số cặp đứng dậy trình bày kết quả. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét.	2. Tạo bảng Trả lời câu hỏi - Trình tự sắp xếp đúng là: c. Chọn Insert a. Chọn mũi tên nhỏ bên dưới table b. Di chuyển chuột để chọn số hàng, số cột. - Bảng được tạo sẽ có:  Đáp án: A. 4 cột, 35 hàng.

Hoạt động 3: Định dạng bảng

a. Mục tiêu: HS biết cách định dạng được bảng tính (xóa, chèn, gộp, tách, điều chỉnh kích thước, căn lề....)

b. Nội dung: HS tìm hiểu kiến thức, GV hướng dẫn, hỗ trợ HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu cách chỉnh sửa bảng. - GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi tr55sgk. <i>Muốn xóa một số hàng trong bảng, sau khi chọn các hàng cần xóa, em thực hiện lệnh nào sau đây?</i> A. delete cell B. Delete columns C. delete Rows D. Delete Table Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS bắt cặp, thảo luận và tìm ra câu trả lời + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi đại diện một số cặp đứng dậy trình bày kết quả. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét.	3. Định dạng bảng Muốn chỉnh sửa bảng, ta chọn thẻ Layout Hình 5.16. Chỉnh sửa bảng - Muốn xóa một số hàng trong bảng, sau khi chọn các hàng cần xóa, em thực hiện lệnh: Đáp án: C. delete Rows

Tiết 2

Hoạt động 4: Thực hành – Tạo bảng

a. Mục tiêu: HS biết cách tạo bảng trên phần mềm soạn thảo văn bản

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho hs tạo bảng danh sách thành viên của lớp như minh họa trong hình 5.11. - HS nhập các dữ liệu gồm: họ tên, ngày sinh, và ảnh của giáo viên chủ nhiệm và từng thành viên trong lớp. - Chỉnh sửa, định dạng bảng.	4. Thực hành – tạo bảng Các bước thực hiện: + B1: Tạo bảng + B2: Chỉnh sửa bảng + B3: Nhập thông tin

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS đọc phần hướng dẫn trong sgk để lần lượt thực hiện các bước tạo bảng.
- + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + GV gọi đại diện một số bạn đứng dậy trình bày quá trình thực hiện tạo bảng.
- + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét.



Thầy giáo chủ nhiệm Trần Anh Vinh 20/07	Thu An 18/05	Lê Bình 22/04
	Lê Khoa 22/06	Ngọc Lan 15/07
Thái Minh 18/05	Thủy Nguyên 22/04	Thu Phong 18/05
	Lê Phương 22/04	
Tô Uyên 18/05	Bích Việt 22/04	Hải Văn 18/05
	Nguyễn Võ 22/04	

Bảng hoàn thiện**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 57sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Nếu cần bổ sung cột Tổng số để điền số HS cả lớp (bằng số HS nam cộng số HS nữ) thì em chèn cột này vào vị trí bên phải của cột cuối cùng (cột số bạn nữ thích).

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: *Hãy trình bày thời khóa biểu của lớp dưới dạng bảng?*

- HS lắng nghe nhiệm vụ, hỏi đáp những vấn đề còn chưa rõ và thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS, nhắc nhở một số HS còn mắc lỗi sai và chuẩn kiến thức bài học.

Ngày soạn: 11/3/2023

TIẾT 26: KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
(Thời gian: 45 phút)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học trong nửa đầu học kì 2.

2. Về năng lực:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh hoạt động cá nhân để làm bài kiểm tra trả lời câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm và tự luận.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh trả lời các câu hỏi vận dụng.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong làm bài
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

2. Học liệu:

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.
- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs thoải mái vào làm bài

b) Nội dung: lời dẫn vào bài

c) Sản phẩm: hs hứng thú, tự tin để làm bài.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV dẫn lời vào bài yêu cầu học sinh chú ý, nghiêm túc vào làm bài

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: lắng nghe

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV khái quát và giao đề

HOẠT ĐỘNG 2. LÀM BÀI

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức và đánh giá kết quả học tập qua các nội dung kiểm tra. Giúp học sinh nhận rõ vai trò của bài kiểm tra trong học tập bộ môn.

b) Nội dung: Đề bài

c) Sản phẩm: hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và nghiêm túc làm bài.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Chiếu đề (Giao đề) cho học sinh và yêu cầu thực hiện làm bài

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: làm bài

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: nộp bài khi kết thúc thời gian

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV thu bài khái quát và nhận xét khi thu bài xong

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ở mức cao hơn		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Bài 11. Định dạng văn bản					Nhập được các lệnh định dạng văn bản				
Số câu						1			1
Số điểm						6			6
Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng					Thực hiện được tạo bảng và định dạng dữ liệu trong bảng				
Số câu						1			1
Số điểm						4			4
Tổng số câu					2				02
Tổng số điểm					2,0				10,0

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK II

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1		Bài 11: Định dạng văn bản	Vận dụng: Nhập được các lệnh định dạng văn bản (Câu 1 TL)			1	
2		Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng	Thông hiểu: Hiểu được các bước tạo bảng và định dạng dữ liệu trong bảng (Câu 2 TL)			1	
Tổng						2	

BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

1/ Gõ đoạn văn bản sau:

TRƯỜNG EM

Trường em hai chữ thân yêu khắc sâu trong trái tim ta, mai đây ai có đi xa nhớ trường tặng thầy đó hoa. Đây trường ta thăm mỗi tình thầy trò, mái trường xưa lòng ta sao kính mến. Mỗi người mỗi chốn và mang bao kỉ niệm, khi ta ngồi nghe những lời âu yếm, thầy cho ta bao kiến thức trên đời. Vui biết mấy tình thầy trò trường ta, mái trường này ta góp dựng, những trái tim xây đắp cuộc đời, lớn lớn lên lớp lớp người người, xinh đẹp tươi mái trường của ta.

Bạn ơi hát lên đi, bạn ơi hát lên đi, hát lên cho những ngày hôm nay và vang mãi trong đời.

* Yêu cầu:

- Chèn một hình ảnh nào đó mà em thấy có ý nghĩa vào nội dung văn bản trên
- Lưu văn bản với tên: (HỌ TÊN)- (LỚP)- KÌ 2

2/ Tạo bảng và trình bày theo mẫu sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Điểm môn Toán</i>	<i>Điểm môn Ngữ văn</i>	<i>Điểm môn Hóa</i>	<i>Điểm tổng</i>
1	Nguyễn Thị Anh	8	9	7	24
2	Phạm Mai Anh	4	7	6	17
3	Phạm Như Tuấn	4	8	5	17
4	Lê Thị Huyền	7	8	8	23

- Lưu văn bản với tên: (HỌ TÊN)- (LỚP)- KÌ 2

*** Hướng dẫn chấm**

1/ - Gõ được văn bản đúng theo mẫu: 4đ

- Chèn được hình ảnh vào văn bản theo yêu cầu: 2đ

2/ - Tạo được bảng: 1đ

- Trình bày dữ liệu trong bảng theo mẫu: 3đ

=====

Ngày soạn: 18/3/2023

TIẾT 27: THỰC HÀNH – TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản
- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

2. Năng lực:

* **Năng lực tin học:** Rèn luyện năng lực sử dụng công cụ công nghệ thông tin để hoàn thiện sản phẩm số.

* **Năng lực chung:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

3. **Phẩm chất:** Rèn luyện ý thức trách nhiệm trong công việc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối với giáo viên:** Giáo án, phòng máy

2. **Đối với học sinh:** Chuẩn bị tệp nội dung của sổ lưu niệm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. **Nội dung:** GV cho HS đóng vai nhân vật, trả lời hoạt động 1

c. **Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia của HS, câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV cho bạn bạn đứng dậy đọc to và rõ ràng phần mở đầu trang 58sgk.

- GV đặt vấn đề: Các em vừa nghe bạn đọc phần mở đầu. Vậy vấn đề chúng ta cần thực hiện ở đây là giúp An sửa công thức làm kem sữa chua dưa hấu thành công thức làm kem sữa chua xoài. Vậy thực hiện được điều này khó hay dễ, chúng ta sẽ cùng đến với bài thực hành hôm nay: **Thực hành – tìm kiếm và thay thế**.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tại sao phải tìm kiếm và thay thế văn bản

a. **Mục tiêu:** Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.

b. **Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc câu hỏi và thảo luận trả lời: + Từ công thức làm kem sữa chua dưa hấu, muốn thành công thức làm kem sữa chua xoài em làm thế nào? + Trong phần mềm soạn thảo văn bản, em thực hiện những thao tác nào để giúp An chỉnh sửa tệp văn bản công thức làm kem?	1. Tại sao phải tìm kiếm và thay thế văn bản? HD1 - Từ công thức làm kem sữa chua dưa hấu, muốn làm thành món kem sữa chua xoài, em đổi nguyên liệu từ dưa hấu thành xoài. - Trong phần mềm soạn thảo văn bản, để chỉnh sửa công thức làm

+ Em có biết cách nào chỉnh sửa tệp văn bản nhanh hơn không? - HS thực hiện xong HĐ1, GV yêu cầu HS đọc phần văn bản trình bày về ý nghĩa của công cụ tìm kiếm và thay thế. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, cử ra 1 bạn làm nhóm trưởng, 1 bạn báo cáo và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện từng nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận. + GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.	kem, em tìm lần lượt từ đầu đến cuối văn bản để tìm từ “dưa hấu”. Sau đó, em xóa mỗi từ “dưa hấu” và gõ từ “xoài” vào vị trí đó. - Để chỉnh sửa văn bản nhanh hơn, em có thể dùng công cụ tìm kiếm và thay thế. *Ý nghĩa: Giúp tìm kiếm, thay thế từ hoặc cụm từ theo yêu cầu một cách nhanh chóng và chính xác.
---	--

Hoạt động 2: Sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế

a. Mục tiêu: Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS quan sát, thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả HS thực hiện được các bước tìm kiếm và thay thế.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn cho HS lần lượt các bước thực hiện: + B1: Khởi động phần mềm Microsoft Word, nhập nội dung công thức làm kem sữa chua dưa hấu. + B2: Thực hiện thao tác định dạng + B3: Lưu lại tệp + B4: Tìm kiếm + B5: Thay thế Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, cử ra 1 bạn làm nhóm trưởng, 1 bạn báo cáo và tiến hành thảo luận. + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần	2. Sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế a. Tìm kiếm b. Thay thế

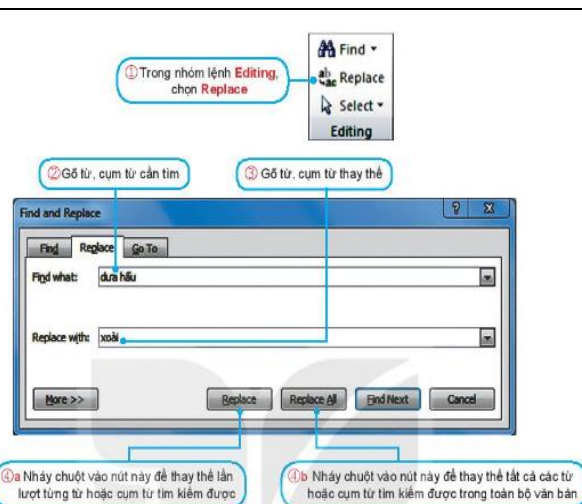
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện từng nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.

+ GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

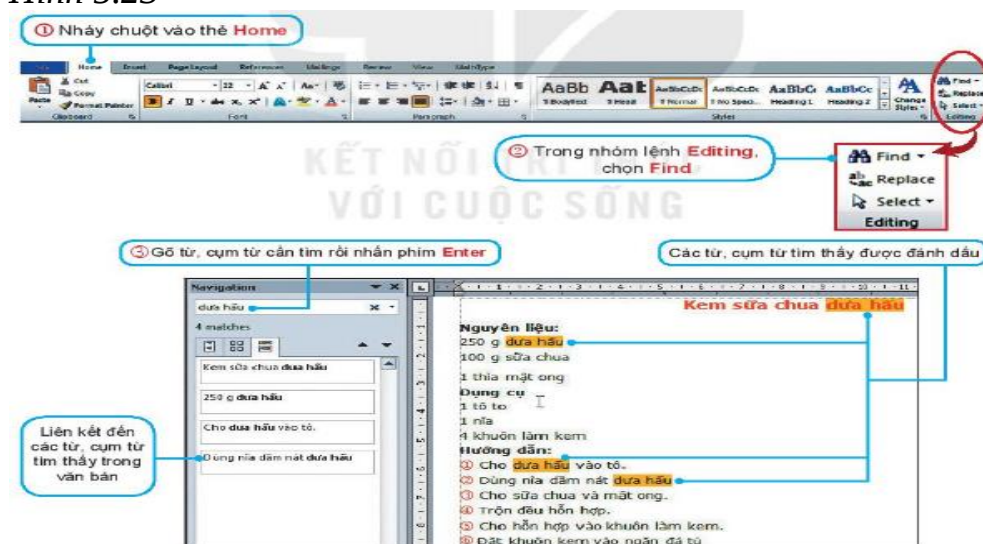
c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 60sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

Để xem lần lượt các kết quả tìm thấy, An nháy chuột vào từng liên kết đến cụm từ “nhóm bạn thân” trong văn bản. Các liên kết này thể hiện ở chú thích bên phải của Hình 5.23



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS xem lại một số tệp văn bản cho cuốn lưu niệm đã tạo trong các bài học khác để rà soát lỗi chính tả. Yêu cầu HS sử dụng chức năng tìm kiếm và thay thế

để chỉnh sửa các lỗi chính tả, thay thế các từ viết tắt....để các tệp văn bản hoàn chỉnh hơn?

- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện
- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.
- * Hướng dẫn về nhà
- Tự thực hành trên máy tính cách tìm kiếm và thay thế 1 từ hay 1 cụm từ trong văn bản
- Xem trước bài 14: Thực hành tổng hợp

Ngày soạn: 19/3/2023

Tiết 28

BÀI 14: THỰC HÀNH TỔNG HỢP – HOÀN THIỆN SỔ LƯU NIỆM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS sử dụng được phần mềm soạn thảo văn bản để hoàn thành sản phẩm sổ lưu niệm
- HS có khả năng làm việc nhóm, hợp tác được trong việc tạo ra, trình bày và giới thiệu được sản phẩm tổng hợp.

2. Năng lực:

* *Năng lực tin học:*

- Nla: Sử dụng và quản lí các phỹng tiện công nghệ thông tin và truyền thông.
- Nld: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc học và tự học.

* *Năng lực chung:* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tĩ duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm
- HS tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Đối với giáo viên:** Tài liệu giảng dạy, phòng máy, sgk...

2. **Đối với học sinh:** Chuẩn bị tệp văn bản của sổ lưu niệm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Nhắc lại kiến thức, tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

b. **Nội dung:**

c. **Sản phẩm học tập:**

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV trình bày vấn đề, gọi lại kiến thức đã học để các em chuẩn bị bước vào bài thực hành.

- GV trình bày vấn đề: *Trong chủ đề Ứng dụng tin học, các em đã được làm quen với các bài học nào? Hãy ghi nhớ thật nhanh và nhắc lại cho các bạn nghe?*

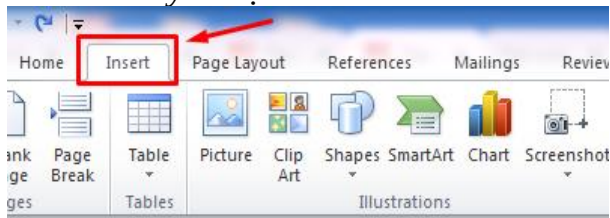
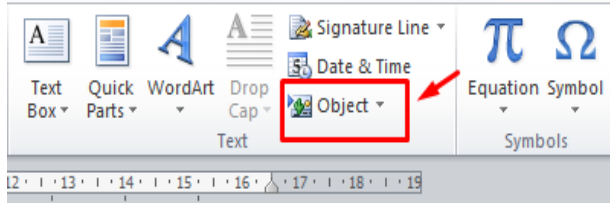
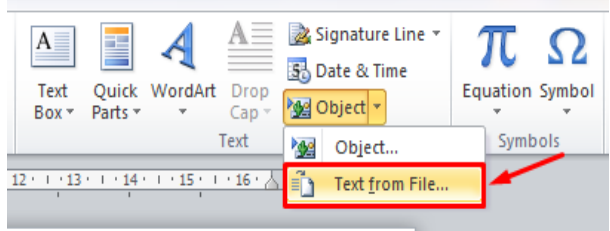
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ nhanh và trả lời: *Bài học trong chủ đề Ứng dụng tin học: cách vẽ sơ đồ tĩ duy, cách định dạng văn bản cũng nhĩ trình bày thông tin ở dạng bảng, tìm kiếm và thay thế thông tin...*

- Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tập hợp nội dung

- a. **Mục tiêu:** HS biết cách tập hợp tài liệu là các tệp văn bản chứa nội dung để hoàn thiện sổ lưu niệm.
- b. **Nội dung:** GV thực hiện các bước tập hợp nội dung, HS quan sát và thực hiện theo.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV trình bày: Trong bài học trước, các em đã tạo các tệp văn bản chứa nội dung cuốn sổ lưu niệm. + GV nêu tiếp: Vậy để tập hợp các nội dung đó vào một tệp văn bản có tên Soluuuiem.docx thì chúng ta thực hiện đầy đủ các bước. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Sau khi GV trình bày xong, HS quan sát GV và tiến hành thực hiện theo các bước tương tự. + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS báo cáo kết quả thực hiện + GV tiến hành kiểm tra, quan sát bài làm của một số HS, chỉnh sửa hướng dẫn cụ thể cách làm cho những bạn còn sai sót (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét hoạt động tập hợp các tệp nội dung của HS, chuyển sang hoạt động thực hành mới.	1. Tập hợp nội dung Các bước thực hiện: + B1: Nháy chuột vào thẻ Insert  + B2: Trong nhóm lệnh Text, chọn Object.  + B3: Chọn Text from File 

Hoạt động 2: Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung)

- a. **Mục tiêu:** Bổ sung nội dung còn thiếu để sản phẩm là sổ lưu niệm có nội dung đầy đủ hơn.
- b. **Nội dung:** GV cho HS điều chỉnh lại một số nội dung cần thiết của sổ lưu niệm.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện hiệu chỉnh nội dung của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV yêu cầu HS xem lại sơ đồ tư duy đã tạo ở bài 10 để rà soát lại nội dung xem đã đầy đủ chưa. Kiểm tra, xem xét kĩ càng lại một lần nữa như: thông tin, hình ảnh, thông tin thầy cô giáo, các hoạt động của lớp... + Sau khi kiểm tra lại thông tin, HS tiếp tục hoàn chỉnh lại các định dạng về văn bản như: + Định dạng chữ + Căn chỉnh lề đoạn văn bản + Bổ sung hình ảnh + Định dạng hướng trang + Chèn ảnh... Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện trình tự các yêu cầu của GV. + GV quan sát, hướng dẫn các bạn HS chưa nắm rõ nhiệm vụ (nếu có). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS báo cáo kết quả thực hiện của mình, trình bày nội dung còn thiếu và cần chỉnh sửa... Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, đánh giá, kết quả thực hành của HS.	2. Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung) - HS điều chỉnh lại nội dung của tệp lưu niệm.

Hoạt động 3: Tạo trang bìa cho cuốn sổ

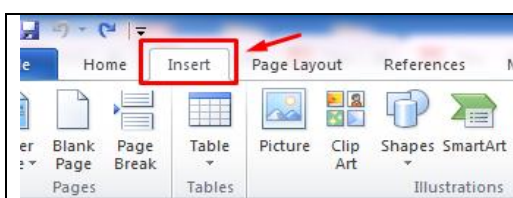
a. Mục tiêu: Nắm đợc các bước để tạo một trang bìa cuốn sổ lưu niệm

b. Nội dung: GV thực hiện các bước, GV quan sát và tiến hành tạo bìa cho cuốn sổ.

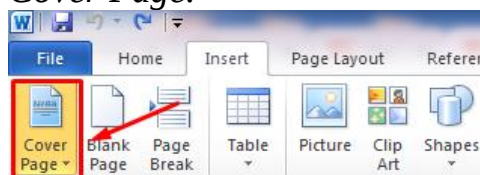
c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện trang bìa của HS

d. Tổ chức thực hiện:

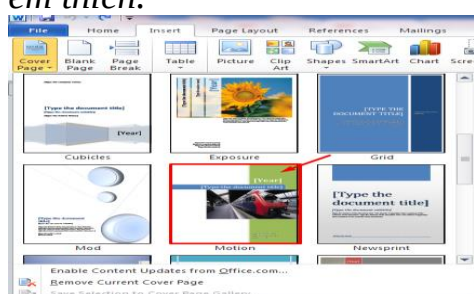
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV vừa thực hiện vừa giảng giải chi tiết các bước để tạo ra trang bìa sổ lưu niệm. + B1: Nháy chuột vào thẻ insert	2. Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung)



+ B2: Trong nhóm lệnh Pages, chọn Cover Page.



+ B3: Chọn mẫu một trang bìa bất kì mà em thích.



+ B4: Sửa lại nội dung và thay hình trang bìa.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Sau khi quan sát GV thực hiện 1 lượt, HS tiến hành tạo bìa sổ lưu niệm theo mẫu mình thích.

- GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS đứng dậy trình bày cách làm trang bìa của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, cho điểm bài thực hành của HS.



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nắm đợc các bước để tạo một trang bìa cuốn sổ lưu niệm

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện trang bìa của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS về nhà thực hiện cá nhân hoặc nhóm theo các bước để hoàn thành một sổ lưu niệm gia đình mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, tiết học sau báo cáo sản phẩm cho giáo viên.

- GV nhận xét, đánh giá ý thức học tập, thực hành của HS trong tiết học.

Ngày soạn: 02/04/2023

CHỦ ĐỀ F: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

Tiết 29, 30

BÀI 15: THUẬT TOÁN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán, nêu được một vài ví dụ minh họa
- Biết thuật toán được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

2. Năng lực:

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tỷ duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin.

* **Năng lực tin học:**

- Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, từng bước nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận nhằm rèn luyện cho HS năng lực hoạt động cộng tác, năng lực giao tiếp và thuyết trình.
- Nhiều hoạt động trong bài học được tích hợp kiến thức hội họa, công nghệ,... nhằm kết nối kiến thức tin học với các lĩnh vực khác của cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Có thái độ cởi mở, hợp tác khi thực hiện các bài tập nhóm.
- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Tờ giấy hình vuông để gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc. Tìm hiểu trước cách gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.

2. Đối với học sinh: Bảng hoặc giấy khổ rộng để các nhóm ghi kết quả thảo luận.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

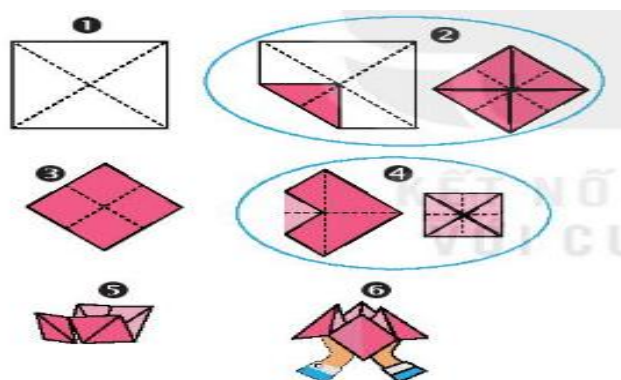
a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài học mới bằng cách chơi gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc

b. Nội dung: GV hướng dẫn cho HS các gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm HS gấp được.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn cho HS gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.
- + B1: Gấp hai đường chéo của tờ giấy hình vuông để tạo nếp gấp, mở tờ giấy ra.
- + B2: Gấp 4 góc của tờ giấy vào tâm
- + B3: Lật mặt bên kia
- + B4: Tiếp tục gấp bốn góc vào tâm
- + B5: Đặt tờ giấy đã gấp nằm ngang, luồn ngón cái và ngón trỏ của hai tay vào bốn góc ở mặt dưới
- + B6: Chỉnh sửa các nếp gấp.



- Sau khi thực hiện xong, hướng dẫn và chơi minh họa một vài lần, sau yêu cầu HS tổ chức chơi vào giờ ra chơi, GV dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Thuật toán

a. Mục tiêu:

- HS nhận ra các bước thực hiện một công việc chính là thuật toán và trình tự thực hiện các bước là quan trọng.
- HS bước đầu hình thành khái niệm đầu vào, đầu ra của thuật toán.

b. Nội dung: GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời hai câu hỏi ở HĐ1 vào bảng nhóm. Trong quá trình thảo luận, HS có thể thực hiện thao tác đảo thứ tự bước 3, 4 trên sản phẩm đã gấp để tìm câu trả lời. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận. + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện + GV gọi HS nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm. Tuyên dương nhóm trả lời tốt, nhắc nhở, động viên các nhóm còn hoạt động yếu, kém. Nhiệm vụ 2 Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	1. Thuật toán <u>NV1</u> - Nếu đảo ngược thứ tự bước 3 và 4 trong hướng dẫn thì không thể gấp được hình vì kết quả của bước trước đều ảnh hưởng đến bước sau. - Trước khi thực hiện hướng dẫn, em cần có tờ giấy vuông. Sau khi thực hiện lần lượt 6 bước, em nhận được kết quả là hình gấp trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc. <u>NV2</u> - Thuật toán là:

+ GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm thuật toán. + Dựa trên kết quả thảo luận của HĐ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới của HS, GV giới thiệu khái niệm “thuật toán” và chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr64, sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng. + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	Đáp án: C. Một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho. - Các câu đúng là: A. Thuật toán có đầu ra là kết quả nhận được sau khi thực hiện các bước của thuật toán. B. Thuật toán có đầu vào là các dữ liệu ban đầu.
---	---

Hoạt động 2: Mô tả thuật toán

a. Mục tiêu: Huy động kiến thức đã có của HS về cách trình bày, mô tả một số vấn đề từ đó GV giúp HS nắm được cách mô tả thuật toán.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS đọc kiến thức sgk và thực hiện

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi ở HĐ2 + GV gợi ý cho HS hướng dẫn gấp hình Đông – Tây – Nam – Bắc là cách mô tả thuật toán văng ngôn ngữ tự nhiên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận. + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện + GV gọi HS nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm. Tuyên dương nhóm trả lời tốt, nhắc	1. Thuật toán <u>NV1</u> - Cách trình bày một vấn đề: dùng ngôn ngữ tự nhiên, dùng sơ đồ tư duy, dùng sơ đồ...

nhỏ, động viên các nhóm còn hoạt động yếu, kém.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận cách mô tả thuật toán.

+ GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr65, sgk.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.

+ GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

NV2

1. Câu sai khi nói về vai trò của mũi tên trong sơ đồ khối của thuật toán là:

Đáp án: C. Mũi tên được sử dụng chỉ để kết nối các hình khối trong sơ đồ khối.

2. Ghép:

1 – a

2 – c

3 – d

4 – b

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b. Nội dung: GV nêu bài tập, HS vận dụng kiến thức hoàn thành

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 66sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

a/ Thuật toán tính trung bình cộng của hai số a, b

+ *Đầu vào:* hai số a, b

+ *Đầu ra:* trung bình cộng của hai số a, b

b/ Thuật toán tìm ước chung lớn nhất của hai số tự nhiên a và b

+ *Đầu vào:* hai số tự nhiên a và b

+ *Đầu ra:* ước chung lớn nhất của hai số tự nhiên a, b

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 66sgk:

- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện, đưa ra câu trả lời:

Công thức làm kem sữa chua xoài

a/ Đầu vào: xoài, sữa chua, mật ong

Đầu ra: kem sữa chua xoài

b/ Sơ đồ khối của thuật toán:



- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.

Ngày soạn: 16/04/2023

Tiết 31+32

BÀI 16: CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết ba cấu trúc điều khiển thuật toán: tuần tự, rẽ nhánh và lặp
- Mô tả được thuật toán đơn giản có các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

2. Năng lực:

* **Năng lực chung:**

* **Năng lực tin học:** Bước đầu hình thành và phát triển tư duy cấu trúc, tư duy phân tích và điều khiển hệ thống.

3. **Phẩm chất:** Rèn luyện ý chí vượt khó, tinh thần trách nhiệm vì mục tiêu chung.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên:

- Chuẩn bị một số phiếu thuộc hai chủ đề: sinh học và toán. Mỗi phiếu có chứa một câu khẳng định, có thể đúng hoặc sai, ví dụ “Voi thuộc loài ăn thịt” là một câu sai.
- Gợi ý câu hỏi cho các chủ đề:
 - Chủ đề sinh học: Kiến thức về các loài vật ăn thịt, ăn cỏ, hoặc vừa ăn thịt vừa ăn cỏ. Các con vật thuộc các họ, ví dụ: “Hổ là một con vật họ mèo”....
 - Chủ đề toán: kiến thức về các số nguyên tố nhỏ hơn 100, ví dụ: “7 là một số nguyên tố” là một khẳng định đúng, “12 là một số nguyên tố” là một khẳng định sai.

2. **Đối với học sinh:** Dụng cụ học tập, tìm hiểu nội dung của bài học mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** HS thực hiện hoạt động trò chơi để trải nghiệm các cấu trúc điều khiển một cách trực quan sinh động. Từ trải nghiệm thực tiễn này, HS sẽ dễ dàng tiếp cận kiến thức trừu tượng về các cấu trúc điều khiển.

b. **Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi theo hướng dẫn trong sgk.

c. **Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia trò chơi và mức độ hiểu biết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn cho HS chơi trò chơi: Đúng hay sai?
- HS xung phong chơi trò chơi nhiệt tình, vui vẻ.
- Sau khi chơi trò chơi xong, GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh.

a. **Mục tiêu:** HS tiếp cận được khái niệm cấu trúc tuần tự và cấu trúc rẽ nhánh.

b. **Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	1. Cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh

+ GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời hai câu hỏi ở HĐ1 vào bảng nhóm.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận.

+ GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm cấu trúc tuần tự và cấu trúc rẽ nhánh.

+ GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện thảo luận, hoàn thành phiếu bài tập.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.

+ GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả của phiếu học tập.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, tuyên dương các nhóm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

NV1

1. Điều kiện để cặp chơi được cộng 1 điểm là trả lời đúng câu hỏi.

2. Với mỗi câu hỏi, việc đánh giá điểm gồm 2 bước:

- Kiểm tra điều kiện nhóm trả lời câu hỏi đúng hay sai

- Nếu câu trả lời là đúng thì cộng cho nhóm 1 điểm.

NV2: PBT

Sơ đồ khối minh họa công việc soạn sách vở theo thời khóa biểu:

1. Xem thời khóa biểu để biết các môn học

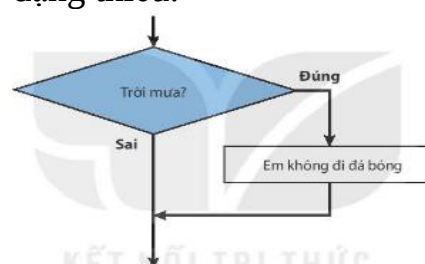
2. Lấy sách vở của các môn học

3. Cho sách vở vào cặp

Sơ đồ khối minh họa công việc soạn sách vở theo thời khóa biểu:



Câu “Nếu trời mưa thì em không đá bóng” chứa cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.



Hoạt động 2: Cấu trúc lặp

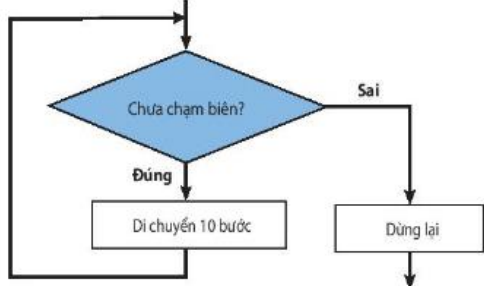
a. Mục tiêu: HS tiếp cận được khái niệm cấu trúc lặp.

b. Nội dung: GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<u>Nhiệm vụ 1:</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi ở HĐ2 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận. + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện + GV gọi HS nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm. <u>Nhiệm vụ 2</u> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm “cấu trúc lặp”. + GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr69, sgk. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng. + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Cấu trúc lặp <u>NV1</u> - Trong trò chơi ở phần khởi động, hoạt động trả lời câu hỏi của cặp chơi được lặp đi lặp lại. - Điều kiện để dừng trò chơi là hết thời gian một phút. <u>NV2</u> 1. Hai công việc trong cuộc sống mà việc thực hiện gồm các bước được thực hiện lặp lại nhiều lần: a. Rửa rau: + B1: Cho rau vào chậu và xả nước ngập rau + B2: Dùng tay đảo rau trong chậu + B3: Vớt rau ra rổ, đổ hết nước trong chậu ra. + B4: Lặp bước 1 đến bước 3 cho đến khi rau sạch thì kết thúc. b. Đánh răng + B1: Lấy kem đánh răng vào bàn chải + B2: Lấy một cốc nước + B3: Đánh răng + B4: Lặp lại bước 3 cho đến khi rau sạch thì kết thúc + B5: Súc miệng

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	+ B6: Lặp lại bước 5 cho đến khi miệng sạch thì dừng 2.a. ĐIỀU kiện để chú meo dừng lại là “chạm biên” b. Sơ đồ khối:  <pre> graph TD Start(()) --> Decision{Chưa chạm biên?} Decision -- Đúng --> Move[Di chuyển 10 bước] Move --> Start Decision -- Sai --> Stop[Dừng lại] Stop --> End(()) </pre>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

b. Nội dung: GV nêu bài tập, HS vận dụng kiến thức hoàn thành

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

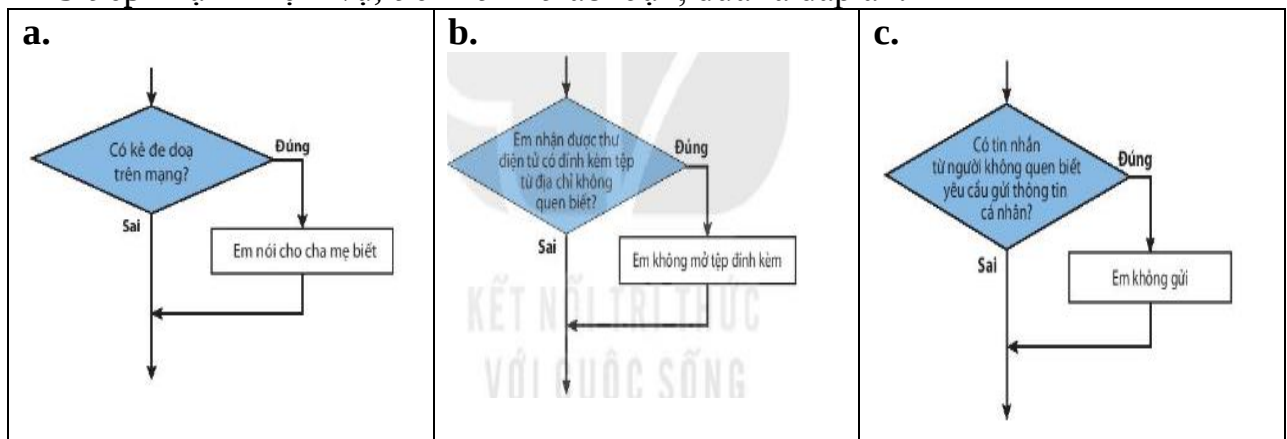
- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 70sgk. Cụ thể:

+ Nhóm 1: ý a

+ Nhóm 2: ý b

+ Nhóm 3: ý c

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:



D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 70sgk:

- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện, đưa ra câu trả lời:

Sơ đồ khối ở hình 6.12a được diễn giải như sau: Nếu đúng là chưa hiểu bài thì đọc lại sách, còn không thì làm bài tập. Sơ đồ khối này thể hiện cấu trúc rẽ nhánh và nếu chưa hiểu bài thì việc đọc lại sách chỉ thực hiện một lần, sau đó làm bài tập. Trên

thực tế, việc đọc lại sách một lần chưa chắc đã đảm bảo hiểu bài. Vì vậy, cấu trúc lặp thể hiện trong hình 6.12b diễn đạt việc đọc lại sa csh có thể lặp lại nhiều lần cho đến khi hiểu bài thì làm bài .

Nhận xét của bạn An về cấu trúc ở hình 6.12b cần điều chỉnh lại là: Nếu chưa hiểu bài thì việc đọc lại sách được thực hiện nhiều lần cho đến khi hiểu bài thì thôi và làm bài tập. Như vậy việc làm bài tập không phải thực hiện nhiều lần, mà chỉ thực hiện một lần sau khi đã hiểu bài.

- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.